**Danh mục II**

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ**

**THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA 2019 – 2023**

(*Kèm theo Quyết định số 1092/QĐ-BTC ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính*)

| **STT** | | | **Tên loại văn bản** | **Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản** | | | | | | | **Tên gọi của văn bản** | | | **Lý do hết hiệu lực** | | | **Ngày hết hiệu lực** | | | | **Ghi chú** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Lĩnh vực** | |
| **LĨNH VỰC THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Luật | 78/2006/QH11 | | 29/11/2006 | | | | | Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 151 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc hội | | | 01/07/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Luật | 21/2012/QH13 | | 20/11/2012 | | | | | Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 151 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc hội | | | 01/07/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị quyết | 94/2019/QH14 | | 26/11/2019 | | | | | Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 về khoanh nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 94/2019/QH14 quy định: “Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 và được tổ chức thực hiện trong thời hạn 03 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành.”) | | | 01/7/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị quyết | 116/2020/QH14 | | 19/06/2020 | | | | | Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết quy định: “Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2020”. | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
| **PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Nghị quyết | 1269/2011/UBTVQH12 | | 14/07/2011 | | | | | Nghị quyết số 1269/2011/UBTVQH12 ngày 14/07/2011 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Biểu thuế bảo vệ môi trường | | | Hết hiệu lực thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/09/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Biểu thuế bảo vệ môi trường | | | 01/01/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị quyết | 888a/2015/ UBTVQH13 | | 10/03/2015 | | | | | Nghị quyết số 1269/2011/UBTVQH12 ngày 14/07/2011 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 1269/2011/UBTVQH12 ngày 14/7/2011 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Biểu thuế bảo vệ môi trường | | | Hết hiệu lực thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/09/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Biểu thuế bảo vệ môi trường | | | 01/01/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị quyết | 979/2020/ UBTVQH14 | | 27/07/2020 | | | | | Nghị quyết số 979/2020/UBTVQH14 ngày 27/07/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung Tiểu mục 2 Mục I Biểu thuế bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 09 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về biểu thuế bảo vệ môi trường. | | | Hết hiệu lực theo quy định tại Nghị quyết số 1148/2020/UBTVQH14 ngày 21/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung Tiểu mục 2 Mục I Biểu thuế bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 09 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về biểu thuế bảo vệ môi trường đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 979/2020/UBTVQH14. | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị quyết | 1148/2020/ UBTVQH14 | | 21/12/2020 | | | | | Nghị quyết số 1148/2020/UBTVQH14 ngày 21/12/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung Tiểu mục 2 Mục I Biểu thuế bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 ngày 26 tháng 09 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về biểu thuế bảo vệ môi trường đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 979/2020/UBTVQH14 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 13/2021/UBTVQH15 ngày 31 tháng 12 năm 2021 sửa đổi bổ sung tiểu mục 2 mục I Biểu thuế bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/9/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Biểu thuế môi trường đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 1148/2020/UBTVQH14. | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị quyết | 13/2021/  UBTVQH15 | | 31/12/2021 | | | | | Nghị quyết 13/2021/UBTVQH15 ngày 31 tháng 12 năm 2021 sửa đổi bổ sung tiểu mục 2 mục I Biểu thuế bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 579/2018/UBTVQH14 ngày 26/9/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Biểu thuế môi trường đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 1148/2020/UBTVQH14. | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 20/2022/UBTVH15 ngày 06/7/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn | | | 11/7/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị quyết | 18/2022/ UBTVQH15 | | 23/03/2022 | | | | | Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 ngày 23/03/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 20/2022/UBTVH15 ngày 06/7/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn | | | 11/7/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị quyết | 20/2022/UBTVQH15 | | 06/7/2022 | | | | | Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 ngày 23/03/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15 ngày 30/12/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn | | | 01/01/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị quyết | 30/2022/UBTVQH 15 | | 30/12/2022 | | | | | Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15 ngày 30/12/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu, mỡ nhờn. | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15 quy định: “Mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023”). | | | Đến hết ngày 31/12/2023 | | | |  | | |
| **NGHỊ QUYẾT, NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Nghị định | 09/2001/NĐ-CP | | 02/03/2001 | | | | | Nghị định số 09/2001/NĐ-CP ngày 02/03/2001 của Chính phủ sửa đổi Điều 21 Nghị định số 05/CP ngày 20 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị quyết | 30/2008/NQ-CP | | 11/12/2008 | | | | | Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 92/2023/NĐ-CP ngày 19/12/2023 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ. | | | 19/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 51/2010/NĐ-CP | | 14/05/2010 | | | | | Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ | | | 01/7/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 53/2010/NĐ-CP | | 19/05/2010 | | | | | Nghị định số 53/2010/NĐ-CP ngày 19/05/2010 của Chính phủ quy định về địa bàn ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với đơn vị hành chính mới thành lập do Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 92/2023/NĐ-CP ngày 19/12/2023 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ. | | | 19/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 101/2011/NĐ-CP | | 04/11/2011 | | | | | Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân. | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 92/2023/NĐ-CP ngày 19/12/2023 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ. | | | 19/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 60/2012/NĐ-CP | | 30/7/2012 | | | | | Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân. | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 92/2023/NĐ-CP ngày 19/12/2023 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ. | | | 19/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 83/2013/NĐ-CP | | 22/07/2013 | | | | | Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế | | | 05/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 92/2013/NĐ-CP | | 13/08/2013 | | | | | Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/07/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 110/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ | | | 15/12/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 129/2013/NĐ-CP | | 16/10/2013 | | | | | Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 44 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP và điểm o khoản 2 Điều 42 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP | | | 05/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 04/2014/NĐ-CP | | 17/01/2014 | | | | | Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa cung ứng dịch vụ | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ | | | 01/7/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 122/2016/NĐ-CP | | 01/09/2016 | | | | | Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/05/2023 của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạ ngạch thuế quan | | | 15/07/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 140/2016/NĐ-CP | | 10/10/2016 | | | | | Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ | | | 01/03/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 154/2016/NĐ-CP | | 16/11/2016 | | | | | Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải | | | Được thay thế bởi Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/05/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP) | | | 01/07/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 164/2016/NĐ-CP | | 24/12/2016 | | | | | Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản | | | Được thay thế bởi Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khoáng sản | | | 15/7/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 167/2016/NĐ-CP | | 27/12/2016 | | | | | Nghị định số 167/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP ngày 28/08/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế | | | 15/10/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 20/2017/NĐ-CP | | 24/02/2017 | | | | | Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết (đã được đính chính tại công văn số Số: 252/CP-KTTH ngày 05/6/2017 về việc đính chính sai sót tại Nghị định số 20/2017/NĐ-CP) | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết | | | 20/12/2020 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 125/2017/NĐ-CP | | 16/11/2017 | | | | | Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp và thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan (đã được đính chính tại Công văn 225/CP-KTTH ngày 06/6/2018 về việc đính chính Biểu thuế nhập khẩu) | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/05/2023 của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạ ngạch thuế quan | | | 15/07/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 119/2018/NĐ-CP | | 12/09/2018 | | | | | Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/09/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ | | | 01/7/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 20/2019/NĐ-CP | | 21/02/2019 | | | | | Nghị định số 20/2019/NĐ-CP ngày 21/02/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 140/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về lệ phí trước bạ | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ | | | 01/03/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 41/2020/NĐ-CP | | 08/4/2020 | | | | | Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất. | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 92/2023/NĐ-CP ngày 19/12/2023 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ. | | | 19/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 57/2020/NĐ-CP | | 25/05/2020 | | | | | Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/05/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/05/2023 của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạ ngạch thuế quan | | | 15/07/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 68/2020/NĐ-CP | | 24/06/2020 | | | | | Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24/06/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết | | | 20/12/2020 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 70/2020/NĐ-CP | | 28/06/2020 | | | | | Nghị định số 70/2020/NĐ-CP ngày 28/06/2020 của Chính phủ quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020 | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Nghị định số 70/2020/NĐ-CP quy định: “Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 109/2020/NĐ-CP | | 15/9/2020 | | | | | Nghị định số 109/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước. | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 92/2023/NĐ-CP ngày 19/12/2023 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ. | | | 19/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 114/2020/NĐ-CP | | 25/9/2020 | | | | | Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác. | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 92/2023/NĐ-CP ngày 19/12/2023 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ. | | | 19/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 44/2021/NĐ-CP | | 31/3/2021 | | | | | Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19. | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 92/2023/NĐ-CP ngày 19/12/2023 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ. | | | 19/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 52/2021/NĐ-CP | | 19/4/2021 | | | | | Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021. | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 92/2023/NĐ-CP ngày 19/12/2023 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ. | | | 19/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 92/2021/NĐ-CP | | 27/10/2021 | | | | | Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19. | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 92/2023/NĐ-CP ngày 19/12/2023 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ. | | | 19/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 101/2021/NĐ-CP | | 15/11/2021 | | | | | Nghị định số 101/2021/NĐ-CP ngày 15/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Chính phủ và Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 05 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Chinh sphur về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/05/2023 của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạ ngạch thuế quan | | | 15/07/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 103/2021/NĐ-CP | | 26/11/2021 | | | | | Nghị định số 103/2021/NĐ-CP ngày 26/11/2021 của Chính phủ quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Nghị định số 103/2021/NĐ-CP quy định: “Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 05 năm 2022”) | | | Đến hết ngày 31/5/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 104/2021/NĐ-CP | | 04/12/2021 | | | | | Nghị định số 104/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước. | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 92/2023/NĐ-CP ngày 19/12/2023 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ. | | | 19/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 15/2022/NĐ-CP | | 28/01/2022 | | | | | Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.  (Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định: Nghị định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022. Nghị định này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022.) | | | Đến hết ngày 31/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 32/2022/NĐ-CP | | 21/05/2022 | | | | | Nghị định số 32/2022/NĐ-CP ngày 21/05/2022 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 5 Nghị định số 32/2022/NĐ-CP quy định: “Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022”) | | | Đến hết ngày 31/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 34/2022/NĐ-CP | | 28/05/2022 | | | | | Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022 | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 6 Nghị định số 34/2022/NĐ-CP quy định: “Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022”) | | | Đến hết ngày 31/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 51/2022/NĐ-CP | | 08/08/2022 | | | | | Nghị định số 51/2022/NĐ-CP ngày 08/08/2022 của Chính phủ sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng xăng thuộc nhóm 27.10 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 05 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/05/2023 của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạ ngạch thuế quan | | | 15/07/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 12/2023/NĐ-CP | | 14/04/2023 | | | | | Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/04/2023 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023 | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 6 Nghị định số 12/2023/NĐ-CP quy định: “Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023”) | | | Đến hết ngày 31/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 36/2023/NĐ-CP | | 21/06/2023 | | | | | Nghị định số 36/2023/NĐ-CP ngày 21/06/2023 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 5 Nghị định số 36/2023/NĐ-CP quy định: “Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023”) | | | Đến hết ngày 31/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 41/2023/NĐ-CP | | 28/6/2023 | | | | | Nghị định số 41/2023/NĐ-CP ngày 28/6/2023 của Chính phủ quy định mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loai xe tương tự xe ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Nghị định số 41/2023/NĐ-CP quy định: “Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.”). | | | Đến hết ngày 31/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 44/2023/NĐ-CP | | 30/6/2023 | | | | | Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Nghị định số 44/2023/NĐ-CP quy định: “Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.”). | | | Đến hết ngày 31/12/2023 | | | |  | | |
| **CHỈ THỊ, QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Quyết định | 75/1998/QĐ-TTg | | 04/04/1998 | | | | | Quyết định số 75/1998/QĐ-TTg ngày 04/04/1998 của Thủ tướng Chính phủ quy định về mã số đối tượng nộp thuế | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 143/1998/QĐ-TTg | | 08/08/1998 | | | | | Quyết định số 143/1998/QĐ-TTg ngày 08/08/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi chế độ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu tiểu ngạch | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 223/1999/QĐ-TTg | | 07/12/1999 | | | | | Quyết định số 223/1999/QĐ-TTg ngày 07/12/1999 của Thủ tướng Chính phủ về thuế gia trị gia tăng đối với dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 08/2000/QĐ-TTg | | 17/01/2000 | | | | | Quyết định số 08/2000/QĐ-TTg ngày 17/01/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hộ kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 25/2022/QĐ-TTg ngày 12/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ | | | 12/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 172/2001/QĐ-TTg | | 05/11/2001 | | | | | Quyết định số 172/2001/QĐ-TTg ngày 05/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý giãn nợ, khoanh nợ, xóa nợ thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước đối với những doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh có khó khăn do nguyên nhân khách quan | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 41/2002/QĐ-TTg | | 18/03/2002 | | | | | Quyết định số 41/2002/QĐ-TTg ngày 18/03/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chống thất thu thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp qua giá bán trong hoạt động kinh doanh xe ô tô, xe hai bánh gắn máy | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 161/2005/QĐ-TTg | | 30/06/2005 | | | | | Quyết định số 161/2005/QĐ-TTg ngày 30/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc mở rộng thí điểm cơ sở sản xuất kinh doanh tự kê khai, tự nộp thuế đối với thuế tiêu thụ đặc biệt ở khâu sản xuất trong nước; thuế tài nguyên; thuế nhà, đất; thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao và thuế môn bài | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 28 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | [19/2008/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/quyet-dinh-19-2008-qd-ttg-phe-chuan-hang-dat-tinh-thue-su-dung-dat-nong-nghiep-cua-tinh-tra-vinh-62939.aspx) | | 30/01/2008 | | | | | Quyết định số [19/2008/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/quyet-dinh-19-2008-qd-ttg-phe-chuan-hang-dat-tinh-thue-su-dung-dat-nong-nghiep-cua-tinh-tra-vinh-62939.aspx) ngày 30 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê chuẩn hạng đất tính thuế sử dụng đất nông nghiệp của tỉnh Trà Vinh. | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Quyết định số 32/2023/QĐ-TTg ngày 21/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ. | | | 21/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 58/2009/QĐ-TTg | | 16/04/2009 | | | | | Quyết định số 58/2009/QĐ-TTg ngày 16/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư và tiêu dùng, ngăn chặn suy giảm kinh tế, tháo gỡ khó khăn đối với doanh nghiệp | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 49 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 96/2009/QĐ-TTg | | 22/07/2009 | | | | | Quyết định số 96/2009/QĐ-TTg ngày 22/07/2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số điều của Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg, Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 67/2009/QĐ-TTg ngày 24 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Quyết định số 35/2021/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ | | | 01/12/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 36/2016/QĐ-TTg | | 01/09/2016 | | | | | Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 01/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 15/2023/QĐ-TTg ngày 31/05/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu | | | 15/07/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 45/2017/QĐ-TTg | | 16/11/2017 | | | | | Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 01/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 15/2023/QĐ-TTg ngày 31/05/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu | | | 15/07/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 28/2019/QĐ-TTg | | 16/09/2019 | | | | | Quyết định số 28/2019/QĐ-TTg ngày 16/09/2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 45/2017/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 36/2016/QĐ-TTg ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 15/2023/QĐ-TTg ngày 31/05/2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc áp dụng thuế suất thông thường đối với hàng hóa nhập khẩu | | | 15/07/2023 | | | |  | | |
| **THÔNG TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư | 48-TC/TCT | | | 28/09/1992 | | | | Thông tư số 48-TC/TCT ngày 28/09/1992 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 276-CT ngày 28-07-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc thống nhất quản lý các loại phí và lệ phí | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 63-TC/TCT | | | 28/10/1992 | | | | Thông tư số 63-TC/TCT ngày 28/10/1992 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc cấp phát, quản lý, sử dụng các loại chứng từ thu phí và lệ phí theo Quyết định số 276-CT ngày 28-07-1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 60A-TC/TCT | | | 01/09/1997 | | | | Thông tư số 60A-TC/TCT ngày 01/09/1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi Thông tư số 30/TC-TCT ngày 23/05/1991 hướng dẫn chế độ quản lý thu thuế đối với ngành khai thác thuỷ sản và Thông tư số 69-TC/TCT ngày 27/11/1991 hướng dẫn việc chuyển chế độ thu tiền nuôi rừng sang thu thuế tài nguyên đối với khai thác sản phẩm rừng tự nhiên | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 109/1998/TT-BTC | | | 31/07/1998 | | | | Thông tư số 109/1998/TT-BTC ngày 31/07/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung quy định về giảm thuế tiêu thụ đặc biệt | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 191/1998/TT-BTC | | | 31/12/1998 | | | | Thông tư số 191/1998/TT-BTC ngày 31/12/1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động xây dựng cơ bản, sản xuất, chế biến sản phẩm nông, lâm nghiệp | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 78/1999/TT-BTC | | | 22/06/1999 | | | | Thông tư số 78/1999/TT-BTC ngày 22/06/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu phí, lệ phí theo Quyết định số 53/1999/QĐ-TTg ngày 26/03/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 100/1999/TT-BTC | | | 19/08/1999 | | | | Thông tư số 100/1999/TT-BTC ngày 19/08/1999 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với đại lý xổ số kiến thiết và việc sử dụng hoá đơn, chứng từ đối với hoạt động kinh doanh xổ số kiến thiết | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 24/2000/TT-BTC | | | 30/03/2000 | | | | Thông tư số 24/2000/TT-BTC ngày 30/03/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 08/2000/QĐ-TTg ngày 17/01/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hộ kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ bị thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 86/2001/TT-BTC | | | 29/10/2001 | | | | Thông tư số 86/2001/TT-BTC ngày 29/10/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đã nộp đối với thuốc lá điếu xuất khẩu | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 03/2002/TT-BTC | | | 14/01/2002 | | | | Thông tư số 03/2002/TT-BTC ngày 14/01/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý thu thuế đối với các cơ sở hoạt động khai thác thủy sản | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 69/2002/TT-BTC | | | 16/08/2002 | | | | Thông tư số 69/2002/TT-BTC ngày 16/08/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 41/2002/QĐ-TTg ngày 18/03/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc chống thất thu thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp qua giá bán trong hoạt động kinh doanh xe ôtô, xe hai bánh gắn máy | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 53/2003/TT-BTC | | | 02/06/2003 | | | | Thông tư số 53/2003/TT-BTC ngày 02/06/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng chế độ thuế đối với Văn phòng luật sư, Công ty hợp danh | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 26/2004/TT-BTC | | | 31/03/2004 | | | | Thông tư số 26/2004/TT-BTC ngày 31/03/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định về thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài và hoàn thuế thu nhập doanh nghiệp tái đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 100/2004/TT-BTC | | | 20/10/2004 | | | | Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 82/2005/TT-BTC | | | 21/09/2005 | | | | Thông tư số 82/2005/TT-BTC ngày 21/09/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thí điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh tự khai, tự nộp thuế tiêu thụ đặc biệt theo Quyết định số 161/2005/QĐ-TTg ngày 30/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 41/2006/TT-BTC | | | 12/05/2006 | | | | Thông tư số 41/2006/TT-BTC ngày 12/05/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 161/2005/QĐ-TTg ngày 30/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc mở rộng thí điểm cơ sở sản xuất, kinh doanh tự kê khai, tự nộp thuế nhà đất, thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao và thuế môn bài | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 72/2006/TT-BTC | | | 10/08/2006 | | | | Thông tư số 72/2006/TT-BTC ngày 10/08/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 82/2006/TT-BTC | | | 13/09/2006 | | | | Thông tư số 82/2006/TT-BTC ngày 13/09/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 124/2007/TT-BTC | | | 26/10/2007 | | | | Thông tư số 124/2007/TT-BTC ngày 26/10/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về in, phát hành, sử dụng, quản lý tem thuốc lá điếu nhập khẩu, tem xì gà nhập khẩu | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư số 23/2021/TT-BTC ngày 30/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá | | | 01/07/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 21/2008/TT-BTC | | | 04/03/2008 | | | | Thông tư số 21/2008/TT-BTC ngày 04/03/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương thức thu phí và mức thu phí, giá thuê sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 38/2021/TT-BTC ngày 31/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 21/2008/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn phương thức thu phí và mức thu phí, giá thuê sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia do Nhà nước đầu tư (được đính chính tại Công văn số 6781/BTC-CST ngày 24/06/2021 của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 38/2021/TT-BTC) | | | 15/07/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 77/2008/TT-BTC | | | 15/09/2008 | | | | Thông tư số 77/2008/TT-BTC ngày 15/09/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số biện pháp xử lý nợ đọng thuế | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 37/2009/TT-BTC | | | 26/02/2009 | | | | Thông tư số 37/2009/TT-BTC ngày 26/02/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc không thu phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 05/2010/TT-BTC | | | 13/01/2010 | | | | Thông tư số 05/2010/TT-BTC ngày 13/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi một số mặt hàng phục vụ cho việc đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng đầu máy, toa xe | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 37/2010/TT-BTC | | | 18/3/2010 | | | | Thông tư số 37/2010/TT-BTC ngày 18/3/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc phát hành, sử dụng, quản lý chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân tự in trên máy tính | | | Hết hiệu lực theo quy định tại Điều 12 Thông tư 78/2021/TT-BTC ngày 17/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Quản lý thuế, Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ | | | 01/7/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 38/2010/TT-BTC | | | 19/03/2010 | | | | Thông tư số 38/2010/TT-BTC ngày 19/03/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 17 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 71/2010/TT-BTC | | | 07/05/2010 | | | | Thông tư số 71/2010/TT-BTC ngày 07/05/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn ấn định thuế đối với cơ sở kinh doanh ôtô, xe hai bánh gắn máy ghi giá bán xe ôtô, xe hai bánh gắn máy trên hóa đơn giao cho người tiêu dùng thấp hơn giá giao dịch thông thường trên thị trường | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 87 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 101/2010/TT-BTC | | | 14/07/2010 | | | | Thông tư số 101/2010/TT-BTC ngày 14/07/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14/01/2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 150/2010/TT-BTC | | | 27/09/2010 | | | | Thông tư số 150/2010/TT-BTC ngày 27/09/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ quan báo chí | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 19/2023/TT-BTC ngày 03/04/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 150/2010/TT-BTC ngày 27 tháng 09 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ quan báo chí | | | 18/05/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 191/2010/TT-BTC | | | 01/12/2010 | | | | Thông tư số 191/2010/TT-BTC ngày 01/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng hóa đơn vận tải hành khách bằng xe ôtô | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 11 Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ | | | 01/07/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 32/2011/TT-BTC | | | 14/03/2011 | | | | Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 11 Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ | | | 01/07/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 90/2011/TT-BTC | | | 20/06/2011 | | | | Thông tư số 90/2011/TT-BTC ngày 20/06/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định miễn thuế xuất khẩu đối với mặt hàng trầm hương được sản xuất, tạo ra từ cây dó bầu trồng | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/03/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu | | | 25/04/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 96/2011/TT-BTC | | | 04/07/2011 | | | | Thông tư số 96/2011/TT-BTC ngày 04/07/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách tài chính quy định tại Quyết định 12/2011/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 116/2011/TT-BTC | | | 15/08/2011 | | | | Thông tư số 116/2011/TT-BTC ngày 15/08/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 36/2011/QĐ-TTg ngày 29/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành mức thuế nhập khẩu xe ôtô chở người từ 15 chỗ ngồi trở xuống đã qua sử dụng | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 116/2012/TT-BTC | | | 18/07/2012 | | | | Thông tư số 116/2012/TT-BTC ngày 18/07/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng thí điểm chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tình thương | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 71/2019/TT-BTC ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 116/2012/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn áp dụng thí điểm chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối vói Tổ chức tài chính quy mô nhỏ trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tình Thương, Thông tư số 135/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2013 hướng dẫn áp dụng thí điểm chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối vói các tổ chức tài chính vi mô | | | 22/11/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 117/2012/TT-BTC | | | 19/07/2012 | | | | Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/07/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hành nghề về dịch vụ làm thủ tục về thuế | | | Được thay thế bởi Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Thông tư số 10/2021/TT-BTC) | | | 12/03/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 199/2012/TT-BTC | | | 15/11/2012 | | | | Thông tư số 199/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011 của Chính phủ về việc chuyển đổi ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về tỷ lệ xuất khẩu mà bị chấm dứt ưu dãi theo cam kết WTO | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 201/2012/TT-BTC | | | 16/11/2012 | | | | Thông tư số 201/2012/TT-BTC ngày 16/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/03/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu | | | 25/04/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 28/2013/TT-BTC | | | 15/03/2013 | | | | Thông tư số 28/2013/TT-BTC ngày 15/03/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính điều chỉnh mức thuế nhập khẩu xe ô tô chở người đã qua sử dụng quy định tại Khoản 1, Điều 1 Quyết định số 36/2011/QĐ-TTg ngày 29/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 81/2013/TT-BTC | | | 19/06/2013 | | | | Thông tư số 81/2013/TT-BTC ngày 19/06/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 201/2012/TT-BTC ngày 16/11/2012 hướng dẫn chính sách thuế đối với hàng nông sản chưa qua chế biến do phía Việt Nam hỗ trợ đầu tư, trồng tại Campuchia nhập khẩu về nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/03/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu | | | 25/04/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 116/2013/TT-BTC | | | 20/08/2013 | | | | Thông tư số 116/2013/TT-BTC ngày 20/08/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn miễn thuế xuất khẩu mặt hàng da trăn có nguồn gốc từ gây nuôi sinh sản | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/03/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu | | | 25/04/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 135/2013/TT-BTC | | | 27/09/2013 | | | | Thông tư số 135/2013/TT-BTC ngày 27/09/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng thí điểm chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các tổ chức tài chính vi mô | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 71/2019/TT-BTC ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 116/2012/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2012 hướng dẫn áp dụng thí điểm chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức tài chính quy mô nhỏ trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tình Thương, Thông tư số 135/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2013 hướng dẫn áp dụng thí điểm chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các tổ chức tài chính vi mô | | | 22/11/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 156/2013/TT-BTC | | | 06/11/2013 | | | | Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 87 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 166/2013/TT-BTC | | | 15/11/2013 | | | | Thông tư 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế | | | Hết hiệu lực theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 44 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn | | | 05/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 201/2013/TT-BTC | | | 20/12/2013 | | | | Thông tư số 201/2013/TT-BTC ngày 20/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc áp dụng Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế | | | Được thay thế bởi Thông tư số 45/2021/TT-BTC ngày 18/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc áp dụng cơ chế Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết (theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 45/2021/TT-BTC) | | | 03/08/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 10/2014/TT-BTC | | | 17/01/2014 | | | | Thông tư số 10/2014/TT-BTC ngày 17/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 44 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn | | | 05/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 39/2014/TT-BTC | | | 31/03/2014 | | | | Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 11 Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ | | | 01/07/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 128/2014/TT-BTC | | | 05/09/2014 | | | | Thông tư số 128/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc giảm thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân làm việc tại khu kinh tế | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 42/2019/TT-BTC ngày 12/07/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 128/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc giảm thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân làm việc tại khu kinh tế | | | 26/08/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 134/2014/TT-BTC | | | 12/09/2014 | | | | Thông tư số 134/2014/TT-BTC ngày 12/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục gia hạn thời hạn nộp thuế và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 18/2019/TT-BTC ngày 03/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 134/2014/TT-BTC ngày 12 tháng 09 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục gia hạn thời hạn nộp thuế và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với máy móc, thiết bị nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư | | | 20/05/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 60/2015/TT-BTC | | | 27/04/2015 | | | | Thông tư số 60/2015/TT-BTC ngày 27/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn thi hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08/08/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế bảo vệ môi trưòng | | | Được thay thế bởi Thông tư số 106/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 hướng dẫn thi hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08/08/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế bảo vệ môi trưòng (theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 106/2018/TT-BTC) | | | 01/01/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 110/2015/TT-BTC | | | 28/07/2015 | | | | Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế | | | 03/05/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 204/2015/TT-BTC | | | 21/12/2015 | | | | Thông tư số 204/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế | | | Được thay thế bởi Thông tư số 31/2021/TT-BTC ngày 17/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế (theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư số 31/2021/TT-BTC) | | | 02/07/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 208/2015/TT-BTC | | | 28/12/2015 | | | | Thông tư số 208/2015/TT-BTC ngày 28/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của Hội đồng tư vấn thuế xã, phường, thị trấn | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 87 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 214/2015/TT-BTC | | | 31/12/2015 | | | | Thông tư số 214/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế, chính sách ưu đãi về hỗ trợ ngân sách nhà nước, thuế và tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước theo quy định tại Quyết định số 1193/QĐ-TTg ngày 30/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Vườn ươm công nghệ công nghiệp Việt Nam – Hàn Quốc tại thành phố Cần Thơ | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 9 Thông tư số 214/2015/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 2 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 61/2016/TT-BTC | | | 11/04/2016 | | | | Thông tư số 61/2016/TT-BTC ngày 11/04/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp | | | Được thay thế bởi Thông tư số 85/2021/TT-BTC ngày 05/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về thu, nộp khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp (theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 85/2021/TT-BTC) | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 95/2016/TT-BTC | | | 28/6/2016 | | | | [Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế](https://luatvietnam.vn/thue/thong-tu-95-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-107227-d1.html) | | | Thay thế bởi Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế (theo quy định tại khoản 2 Điều 23) | | | 17/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 99/2016/TT-BTC | | | 29/06/2016 | | | | Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 87 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 128/2016/TT-BTC | | | 09/08/2016 | | | | Thông tư số 128/2016/TT-BTC ngày 09/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính  quy định miễn, giảm thuế xuất khẩu đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường; sản phẩm từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-C ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 167/2016/TT-BTC | | | 26/10/2016 | | | | Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực | | | Được thay thế bởi Thông tư số 106/2020/TT-BTC ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực (theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 106/2020/TT-BTC) | | | 22/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 172/2016/TT-BTC | | | 27/10/2016 | | | | Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 38/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư | | | 08/08/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 176/2016/TT-BTC | | | 31/10/2016 | | | | Thông tư số 176/2016/TT-BTC ngày 31/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 44 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn | | | 05/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 184/2016/TT-BTC | | | 08/11/2016 | | | | Thông tư số 184/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông đối với đài vô tuyến điện thuộc công trình viễn thông và lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu - phát sóng vô tuyến điện | | | Được thay thế bởi Thông tư số 82/2020/TT-BTC ngày 22/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động viễ thông đối với đài vô tuyến điện thuộc công trình viễn thông (theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 82/2020/TT-BTC) | | | 06/11/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 185/2016/TT-BTC | | | 08/11/2016 | | | | Thông tư số 185/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư số 34/2023/TT-BTC ngày 31/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường | | | 15/07/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 187/2016/TT-BTC | | | 08/11/2016 | | | | Thông tư số 187/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 39/2023/TT-BTC ngày 09/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia | | | 01/08/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 188/2016/TT-BTC | | | 08/11/2016 | | | | Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng | | | Được thay thế bởi Thông tư số 37/2023/TT-BTC ngày 07/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ được hoạt động trên các loại phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng (theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 37/2023/TT-BTC) | | | 01/08/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 202/2016/TT-BTC | | | 09/11/2016 | | | | Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm. | | | 15/11/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 208/2016/TT-BTC | | | 10/11/2016 | | | | Thông tư số 208/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí tên miền quốc gia ".vn" và địa chỉ Internet (IP) của Việt Nam | | | Được thay thế bởi Thông tư số 20/2023/TT-BTC ngày 13/04/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí duy trì sử dụng tên miền và địa chỉ internet, lệ phí đăng ký sử dụng tên miền quốc gia “.vn” và lệ phí đăng ký sử dụng địa chỉ internet (IP) (theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 20/2023/TT-BTC) | | | 01/06/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 209/2016/TT-BTC | | | 10/11/2016 | | | | Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng | | | 01/07/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 210/2016/TT-BTC | | | 10/11/2016 | | | | Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng | | | 01/07/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 212/2016/TT-BTC | | | 10/11/2016 | | | | Thông tư số 212/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường | | | Được thay thế bởi Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường (theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 01/2021/TT-BTC) | | | 25/02/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 215/2016/TT-BTC | | | 10/11/2016 | | | | Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp | | | 20/09/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 219/2016/TT-BTC | | | 10/11/2016 | | | | Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam | | | Được thay thế bởi Thông tư số 25/2021/TT-BTC ngày 07/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam (theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 25/2021/TT-BTC) | | | 22/05/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 227/2016/TT-BTC | | | 11/11/2016 | | | | Thông tư số 227/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy | | | Được thay thế bởi Thông tư số 02/2021/TT-BTC ngày 08/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy (theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 02/2021/TT-BTC) | | | 22/02/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 228/2016/TT-BTC | | | 11/11/2016 | | | | Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức | | | Được thay thế bởi Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức (theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 92/2021/TT-BTC) | | | 15/12/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 229/2016/TT-BTC | | | 11/11/2016 | | | | Thông tư số 229/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ | | | Được thay thế bởi Thông tư số 60/2023/TT-BTC ngày 07/9/2023 quy định mức thu, chế dộ thu, nộp, miễn, quản lý lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Thông tư số 60/2023/TT-BTC) | | | 22/10/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 230/2016/TT-BTC | | | 11/11/2016 | | | | Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản | | | 17/12/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 231/2016/TT-BTC | | | 11/11/2016 | | | | Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật | | | Được thay thế bởi Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động kiểm dịch và bảo vệ thực vật thuộc lĩnh vực nông nghiệp (theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 33/2021/TT-BTC) | | | 05/07/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 250/2016/TT-BTC | | | 11/11/2016 | | | | Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | | | Được thay thể bởi Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 85/2019/TT-BTC) | | | 13/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 251/2016/TT-BTC | | | 11/11/2016 | | | | Thông tư số 251/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xử lý vụ việc cạnh tranh | | | Được thay thế bởi Thông tư số 58/2020/TT-BTC ngày 12/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xử lý vụ việc cạnh tranh (theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 58/2020/TT-BTC) | | | 27/07/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 256/2016/TT-BTC | | | 11/11/2016 | | | | Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp căn cước công dân | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp căn cước công dân | | | 16/10/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 262/2016/TT-BTC | | | 14/11/2016 | | | | Thông tư số 262/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp phí bảo đảm hàng hải đối với luồng hàng hải chuyên dùng | | | Được thay thế bởi Thông tư số 63/2019/TT-BTC ngày 09/09/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí bảo đảm hàng hải và cơ chế tài chính trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải (theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 63/2019/TT-BTC) | | | 01/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 270/2016/TT-BTC | | | 14/11/2016 | | | | Thông tư số 270/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất do cơ quan trung ương thực hiện | | | Được thay thế bởi Thông tư số 01/2022/TT-BTC ngày 11/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng nguồn nước do cơ quan trung ương thực hiện (theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 01/2022/TT-BTC) | | | 25/02/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 272/2016/TT-BTC | | | 14/11/2016 | | | | Thông tư số 272/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 25/2022/TT-BTC ngày 28/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán | | | 01/07/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 274/2016/TT-BTC | | | 14/11/2016 | | | | Thông tư số 274/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện quá cảnh | | | Được thay thế bởi Thông tư số 14/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh (theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 14/2021/TT-BTC) | | | 05/04/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 277/2016/TT-BTC | | | 14/11/2016 | | | | Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm | | | Được thay thế bởi Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm (theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 41/2023/TT-BTC) | | | 01/08/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 278/2016/TT-BTC | | | 14/11/2016 | | | | Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế | | | Được thay thế bởi Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế (theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 59/2023/TT-BTC) | | | 16/10/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 279/2016/TT-BTC | | | 14/11/2016 | | | | Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm | | | 19/09/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 284/2016/TT-BTC | | | 14/11/2016 | | | | Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản | | | 01/02/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 285/2016/TT-BTC | | | 14/11/2016 | | | | Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y | | | Được thay thế bởi Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y (theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 101/2020/TT-BTC) | | | 11/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 293/2016/TT-BTC | | | 15/11/2016 | | | | Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ | | | Được thay thế bởi Thông tư số 70/2021/TT-BTC ngày 12/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 70/2021/TT-BTC) | | | 01/10/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 301/2016/TT-BTC | | | 15/11/2016 | | | | Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ | | | 01/03/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 303/2016/TT-BTC | | | 15/11/2016 | | | | Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 11 Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ | | | 01/07/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 304/2016/TT-BTC | | | 15/11/2016 | | | | Thông tư số 304/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 19/2019/TT-BTC ngày 09/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 304/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy | | | 10/04/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 305/2016/TT-BTC | | | 15/11/2016 | | | | Thông tư số 305/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 19/2022/TT-BTC ngày 23/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số | | | 01/06/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 331/2016/TT-BTC | | | 26/12/2016 | | | | Thông tư số 331/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 256/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp căn cước công dân | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp căn cước công dân | | | 16/10/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 06/2017/TT-BTC | | | 20/01/2017 | | | | Thông tư số 06/2017/TT-BTC ngày 20/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 34a Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế (đã được bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Thông tư số 26/2015/TT-BTC) | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 87 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 31/2017/TT-BTC | | | 18/04/2017 | | | | Thông tư số 31/2017/TT-BTC ngày 18/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29/06/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 87 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 35/2017/TT-BTC | | | 25/04/2017 | | | | Thông tư số 35/2017/TT-BTC ngày 25/04/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 07/2023/TT-BTC ngày 02/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định | | | 20/03/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 37/2017/TT-BTC | | | 27/04/2017 | | | | Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 11 Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ | | | 01/07/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 51/2017/TT-BTC | | | 19/5/2017 | | | | Thông tư số 51/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/07/2012 hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế | | | Thay thế bởi [Thông tư số 10/2021/TT-BTC](https://luatvietnam.vn/thue/thong-tu-10-2021-tt-btc-huong-dan-quan-ly-hanh-nghe-dich-vu-lam-thu-tuc-ve-thue-198585-d1.html) ngày 26/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (Khoản 2 Điều 30) | | | 12/03/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 59/2017/TT-BTC | | | 13/06/2017 | | | | Thông tư số 59/2017/TT-BTC ngày 13/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư số 02/2022/TT-BTC ngày 11/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường do cơ quan trung ương thực hiện | | | 11/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 62/2017/TT-BTC | | | 19/06/2017 | | | | Thông tư số 62/2017/TT-BTC ngày 19/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư số 02/2022/TT-BTC ngày 11/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép môi trường do cơ quan trung ương thực hiện | | | 11/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 79/2017/TT-BTC | | | 01/08/2017 | | | | Thông tư số 79/2017/TT-BTC ngày 01/08/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung tiết b1 điểm b khoản 4 Điều 48 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 87 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 96/2017/TT-BTC | | | 27/09/2017 | | | | Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/09/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | | | Được thay thế bởi Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 85/2019/TT-BTC) | | | 13/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 108/2017/TT-BTC | | | 16/10/2017 | | | | Thông tư số 108/2017/TT-BTC ngày 16/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 3 Thông tư số 187/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 39/2023/TT-BTC ngày 09/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu viễn thám quốc gia | | | 01/08/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 112/2017/TT-BTC | | | 20/10/2017 | | | | Thông tư số 112/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 227/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy | | | Được thay thế bởi Thông tư số 02/2021/TT-BTC ngày 07/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy (theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 02/2021/TT-BTC) | | | 22/02/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 113/2017/TT-BTC | | | 20/10/2017 | | | | Thông tư số 113/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm | | | Được thay thế bởi Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28/9/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực giao dịch bảo đảm (theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 61/2023/TT-BTC) | | | 14/10/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 114/2017/TT-BTC | | | 24/10/2017 | | | | Thông tư số 114/2017/TT-BTC ngày 24/10/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Biểu mức thu phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm ban hành kèm theo Thông tư số 277/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm | | | Được thay thế bởi Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm (theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 41/2023/TT-BTC) | | | 01/08/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 130/2017/TT-BTC | | | 14/12/2017 | | | | Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 14/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp | | | 20/09/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 05/2018/TT-BTC | | | 22/01/2018 | | | | [Thông tư số 05/2018/TT-BTC ngày 22/01/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thí điểm về khai, nộp lệ phí trước bạ điện tử đối với ô tô, xe máy và trao đổi dữ liệu điện tử thu nộp lệ phí trước bạ đối với ô tô, xe máy](https://luatvietnam.vn/thue-phi-le-phi/thong-tu-05-2018-tt-btc-159564-d1.html) | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 10 Thông tư số 05/2018/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019.”) | | | Đến hết ngày 31/12/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 09/2018/TT-BTC | | | 25/01/2018 | | | | Thông tư số 09/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực quản lý nuôi trồng thủy sản | | | 01/02/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 17/2018/TT-BTC | | | 09/02/2018 | | | | Thông tư số 17/2018/TT-BTC ngày 09/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 305/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư số 19/2022/TT-BTC ngày 23/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số | | | 01/06/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 56/2018/TT-BTC | | | 25/06/2018 | | | | Thông tư số 56/2018/TT-BTC ngày 25/06/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế dộ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư số 38/2023/TT-BTC ngày 08/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định | | | 01/08/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 117/2018/TT-BTC | | | 28/11/2018 | | | | Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm | | | 19/09/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 118/2018/TT-BTC | | | 28/11/2018 | | | | Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp phép khai thác, hoạt động thủy sản | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản | | | 17/12/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 20/2019/TT-BTC | | | 09/04/2019 | | | | Thông tư số 20/2019/TT-BTC ngày 09/04/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 301/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ | | | 01/03/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 66/2019/TT-BTC | | | 20/09/2019 | | | | Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20/09/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/07/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế | | | 03/05/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 68/2019/TT-BTC | | | 30/09/2019 | | | | Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/09/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm i khoản 3 Điều 11 Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ | | | 01/07/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 11/2020/TT-BTC | | | 20/02/2020 | | | | Thông tư số 11/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế | | | Được thay thế bởi Thông tư số 59/2023/TT-BTC ngày 30/8/2023 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế (theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 59/2023/TT-BTC) | | | 16/10/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 12/2020/TT-BTC | | | 03/03/2020 | | | | Thông tư số 12/2020/TT-BTC ngày 03/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Mục II Phần A Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 167/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực | | | Được thay thế bởi Thông tư số 106/2020/TT-BTC ngày 08/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực (theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 106/2020/TT-BTC) | | | 22/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 22/2020/TT-BTC | | | 10/04/2020 | | | | Thông tư số 22/2020/TT-BTC ngày 10/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 65/2023/TT-BTC ngày 31/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai khác và sử dụng dữ liệu về môi trường | | | 15/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 15/2020/TT-BTC | | | 23/03/2020 | | | | Thông tư số 15/2020/TT-BTC ngày 23/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem đối với rượu sản xuất để tiêu thụ trong nước và rượu nhập khẩu | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Thông tư số 23/2021/TT-BTC ngày 30/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá | | | 01/07/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 33/2020/TT-BTC | | | 05/05/2020 | | | | Thông tư số 33/2020/TT-BTC ngày 05/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 33/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 05 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 34/2020/TT-BTC | | | 05/05/2020 | | | | Thông tư số 34/2020/TT-BTC ngày 05/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực xây dựng | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 4 Thông tư số 34/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 05 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 35/2020/TT-BTC | | | 05/05/2020 | | | | Thông tư số 35/2020/TT-BTC ngày 05/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 35/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 05 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 36/2020/TT-BTC | | | 05/05/2020 | | | | Thông tư số 36/2020/TT-BTC ngày 05/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí thẩm định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất do cơ quan trung ương thực hiện và phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 3 Thông tư số 36/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 05 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 37/2020/TT-BTC | | | 07/05/2020 | | | | Thông tư số 37/2020/TT-BTC ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 37/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 05 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 41/2020/TT-BTC | | | 18/05/2020 | | | | Thông tư số 41/2020/TT-BTC ngày 18/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam | | | Được thay thế bởi Thông tư số 25/2021/TT-BTC ngày 07/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam (theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 25/2021/TT-BTC) | | | 22/05/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 43/2020/TT-BTC | | | 26/05/2020 | | | | Thông tư số 43/2020/TT-BTC ngày 26/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 43/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 05 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 44/2020/TT-BTC | | | 26/05/2020 | | | | Thông tư số 44/2020/TT-BTC ngày 26/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 44/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 05 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 45/2020/TT-BTC | | | 26/05/2020 | | | | Thông tư số 45/2020/TT-BTC ngày 26/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí đăng ký (xác nhận) sử dụng mã số mã vạch nước ngoài và lệ phí sở hữu công nghiệp | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 3 Thông tư số 45/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 05 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 46/2020/TT-BTC | | | 27/05/2020 | | | | Thông tư số 46/2020/TT-BTC ngày 27/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí trong lĩnh vực hàng không | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 4 Thông tư số 46/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 05 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 49/2020/TT-BTC | | | 01/06/2020 | | | | Thông tư số 49/2020/TT-BTC ngày 01/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 49/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 50/2020/TT-BTC | | | 01/06/2020 | | | | Thông tư số 50/2020/TT-BTC ngày 01/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 50/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 54/2020/TT-BTC | | | 12/06/2020 | | | | Thông tư số 54/2020/TT-BTC ngày 12/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí xác minh giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của tổ chức, cá nhận trong nước, lệ phí cấp giấy phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 54/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 06 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 56/2020/TT-BTC | | | 12/06/2020 | | | | Thông tư số 56/2020/TT-BTC ngày 12/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 56/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 06 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 57/2020/TT-BTC | | | 12/06/2020 | | | | Thông tư số 57/2020/TT-BTC ngày 12/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành, giấy phép xuất cảnh, tem AB, lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo, lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 3 Thông tư số 57/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 06 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 61/2020/TT-BTC | | | 22/06/2020 | | | | Thông tư số 61/2020/TT-BTC ngày 22/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy; phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy, chữa cháy và lệ phí cấp căn cước công dân | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 61/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 06 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 64/2020/TT-BTC | | | 08/07/2020 | | | | Thông tư số 64/2020/TT-BTC ngày 08/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí trong lĩnh vực y tế | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 64/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 07 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 69/2020/TT-BTC | | | 15/7/2020 | | | | Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội | | | Hết hiệu lực theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/7/2020 quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 của Quốc hội | | | 01/7/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 74/2020/TT-BTC | | | 10/08/2020 | | | | Thông tư số 74/2020/TT-BTC ngày 10/08/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí sử dụng đường bộ | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 74/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 08 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 75/2020/TT-BTC | | | 12/08/2020 | | | | Thông tư số 75/2020/TT-BTC ngày 12/08/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm | | | 19/09/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 88/2020/TT-BTC | | | 30/10/2020 | | | | Thông tư số 88/2020/TT-BTC ngày 30/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 26 Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm k khoản 3 Điều 11 Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ | | | 01/07/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 112/2020/TT-BTC | | | 29/12/2020 | | | | Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19 | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 112/2020/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2021”) | | | Đến hết ngày 30/06/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 12/2021/TT-BTC | | | 08/02/2021 | | | | Thông tư số 12/2021/TT-BTC ngày 08/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, khai, nộp phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 12/2021/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021”) | | | Đến hết ngày 31/12/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 18/2021/TT-BTC | | | 11/03/2021 | | | | Thông tư số 18/2021/TT-BTC ngày 11/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 18/2021/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 03 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021”) | | | Đến hết ngày 31/12/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 47/2021/TT-BTC | | | 24/06/2021 | | | | Thông tư số 47/2021/TT-BTC ngày 24/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 47/2021/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021”) | | | Đến hết ngày 31/12/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 68/2021/TT-BTC | | | 06/08/2021 | | | | Thông tư số 68/2021/TT-BTC ngày 06/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí trong lĩnh vực thú y nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 68/2021/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 08 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021”) | | | Đến hết ngày 31/12/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 120/2021/TT-BTC | | | 24/12/2021 | | | | Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 120/2021/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2022 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2022”) | | | Đến hết ngày 30/06/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 59/2022/TT-BTC | | | 29/09/2022 | | | | Thông tư số 59/2022/TT-BTC ngày 29/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ khó khăn cho hoạt động kinh doanh vận tải | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 59/2022/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022”) | | | Đến hết ngày 31/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 44/2023/TT-BTC | | | 29/6/2023 | | | | Thông tư số 44/2023/TT-BTC ngày 29/6/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 2 Thông tư số 44/2023/TT-BTC quy định: “Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023”) | | | Đến hết ngày 31/12/2023 | | | |  | | |
| **QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Quyết định | 30/2001/QĐ-BTC | | | 13/04/2001 | | | | Quyết định số 30/2001/QĐ-BTC ngày 13/04/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ in, phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế | | | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ | | | 01/07/2022 | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 187/2003/QĐ-BTC | | | 14/11/2003 | | | | Quyết định số 187/2003/QĐ-BTC ngày 14/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Biên lai thuế môn bài | | | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 44/2007/QĐ-BTC | | | 04/06/2007 | | | | Quyết định số 44/2007/QĐ-BTC ngày 04/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc dừng hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt đối với thuốc lá điếu sản xuất trong nước có nhãn mác nước ngoài xuất khẩu | | | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | |  | | |
| **LĨNH VỰC HẢI QUAN** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **NGHỊ QUYẾT CỦA UBTVQH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Nghị quyết | 10/2021/UBTVQH15 | | | 08/12/2021 | | | | Nghị quyết số 10/2021/UBTVQH15 ngày 08/12/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc gia hạn thời gian lưu giữ hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế, kho của doanh nghiệp bán hàng miễn thuế, hàng hóa gửi kho ngoại quan đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19 | | | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 80/2023/QH15  ngày 09/01/2023 về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách trong phòng, chống dịch COVID-19 và sử dụng giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc hết thời hạn hiệu lực từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024. | | | 01/01/2023 | |  | | |
| **NGHỊ ĐỊNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Nghị định | 10/2005/NĐ-CP | | | 31/01/2005 | | | | Nghị định số 10/2005/NĐ-CP ngày 31/1/2005 của Chính phủ về việc quy định về cờ truyền thống, cờ hiệu, biểu tượng, hải quan hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, trang phục, giấy chứng minh hải quan | | | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 02/2021/NĐ-CP ngày 07/01/2021 của Chính phủ quy định về cở truyền thống, cờ hiệu, biểu tượng, hải quan hiệu, phù hiệu, biển tên, cấp hiệu, trang phục, chứng minh hải quan và dấu hiệu đặc trưng phương tiện tuần tra, kiểm soát, giám sát hải quan | | | 01/03/2021 | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 127/2013/NĐ-CP | | | 15/10/2013 | | | | Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15/10/2013 của Chính phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan | | | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan | | | 10/12/2020 | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 45/2016/NĐ-CP | | | 26/05/2016 | | | | Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26/05/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan | | | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan | | | 10/12/2020 | |  | | |
| **QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Quyết định | 48/2011/QĐ-TTg | | | 31/08/2011 | | | | Quyết định số 48/2011/QĐ-TTg ngày 31/08/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thực hiện Cơ chế hải quan một cửa quốc gia | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 54 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 15/2017/QĐ-TTg | | | 12/05/2017 | | | | Quyết định số 15/2017/QĐ-TTg ngày 12/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập | | | Được thay thế bởi Quyết định số 23/2019/QĐ-TTg ngày 27/06/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập (theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định số 23/2019/QĐ-TTg) | | | 01/09/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 43/2017/QĐ-TTg | | | 26/09/2017 | | | | Quyết định số 43/2017/QĐ-TTg ngày 26/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định trách nhiệm thực hiện thủ tục đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thông qua Cơ chế một cửa quốc gia | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 41 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP [ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa Quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu](https://luatvietnam.vn/hanh-chinh/nghi-dinh-85-2019-nd-cp-thu-tuc-hanh-chinh-theo-co-che-mot-cua-voi-hang-hoa-xuat-nhap-khau-178366-d1.html) | | | 01/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 10/2018/QĐ-TTg | | | 01/03/2018 | | | | Quyết định số 10/2018/QĐ-TTg ngày 01/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13/09/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 14/2021/QĐ-TTg ngày 26/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 53/2013/QĐ-TTg ngày 13 tháng 09 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng đối với xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam | | | 15/05/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 20/2018/QĐ-TTg | | | 26/04/2018 | | | | Quyết định số 20/2018/QĐ-TTg ngày 26/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định việc thực hiện tiêu hủy thuốc lá ngoại nhập lậu bị tịch thu là thuốc lá giả, thuốc lá không đảm bảo chất lượng và thí điểm bán đấu giá thuốc lá ngoại nhập lậu bị tịch thu đảm bảo chất lượng để xuất khẩu ra nước ngoài | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 7 Quyết định số 20/2018/QĐ-TTg quy định: “Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 6 năm 2018 và có hiệu lực đến hết ngày 15 tháng 6 năm 2020.”). | | | Đến hết ngày 15/6/2020 | | | |  | | |
| **THÔNG TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư | 91/2003/TT-BTC | | | 25/09/2003 | | | | Thông tư số 91/2003/TT-BTC ngày 25/09/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc dán tem hàng nhập khẩu | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 216/2010/TT-BTC | | | 29/12/2010 | | | | Thông tư số 216/2010/TT-BTC ngày 29/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục các mặt hàng nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi, phân bón và thuốc trừ sâu được tạm thời điều chỉnh thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 168/2011/TT-BTC | | | 21/11/2011 | | | | Thông tư số 168/2011/TT-BTC ngày 21/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thống kê nhà nước về hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Thông tư số 52/2020/TT-BTC ngày 10/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số biện pháp thực hiện thống kê nhà nước về hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | | | 01/08/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 20/2014/TT-BTC | | | 12/02/2014 | | | | Thông tư số 20/2014/TT-BTC ngày 12/2/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định việc nhập khẩu xe ô tô, xe mô tô theo chế độ tài sản di chuyển của công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài đã được giải quyết đăng ký thường trú tại Việt Nam | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Tài chính ban hành | | | 01/01/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 23/2014/TT-BTC | | | 17/02/2014 | | | | Thông tư số 23/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định một số nội dung về cờ truyền thống, cờ hiệu, biểu tượng, hải quan hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, trang phục, giấy chứng minh hải quan | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 21/2021/TT-BTC ngày 19/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 23/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định một số nội dung về cờ truyền thống, cờ hiệu, biểu tượng, hải quan hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, trang phục, giấy chứng minh hải quan | | | 19/03/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 217/2015/TT-BTC | | | 31/12/2015 | | | | Thông tư số 217/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thủ tục hải quan, quản lý thuế đối với hoạt động thương mại biên giới của thương nhân và cư dân biên giới theo Quyết định 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 80/2019/TT-BTC ngày 15/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục hải quan, quản lý thuế, phí và lệ phí đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chinh phủ quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới | | | 01/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 155/2016/TT-BTC | | | 20/10/2016 | | | | Thông tư số 155/2016/TT-BTC ngày 20/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan và Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 05 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP | | | Được thay thế bởi Thông tư số 90/2020/TT-BTC ngày 11/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan (theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 90/2020/TT-BTC) | | | 26/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 65/2017/TT-BTC | | | 27/06/2017 | | | | Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính v/v Ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam | | | Được thay thế bởi Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 31/2022/TT-BTC và theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 72/2022/TT-BTC ngày 30/11/2022 của Bộ Tài chính ngưng hiệu lực của Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam). | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 84/2017/TT-BTC | | | 15/08/2017 | | | | Thông tư số 84/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 72/2020/TT-BTC ngày 31/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 84/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số điều của Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ | | | 10/08/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 38/2018/TT-BTC | | | 20/04/2018 | | | | Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | | | Được thay thế bởi Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Thông tư số 33/2023/TT-BTC) | | | 15/07/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 93/2018/TT-BTC | | | 05/10/2018 | | | | Thông tư số 93/2018/TT-BTC ngày 05/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 19/2014/TT-BTC ngày 11/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng xe ô tô, xe hai bánh gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 27/2021/TT-BTC ngày 19/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 19/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu, tiêu hủy, chuyển nhượng xe ô tô, xe gắn máy của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam | | | 02/06/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 09/2019/TT-BTC | | | 15/02/2019 | | | | Thông tư số 09/2019/TT-BTC ngày 15/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục của Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam | | | Được thay thế bởi Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 31/2022/TT-BTC và theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 72/2022/TT-BTC ngày 30/11/2022 của Bộ Tài chính ngưng hiệu lực của Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam). | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 62/2019/TT-BTC | | | 05/09/2019 | | | | Thông tư số 62/2019/TT-BTC ngày 05/09/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 04 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu | | | Được thay thế bởi Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Thông tư số 33/2023/TT-BTC) | | | 15/07/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 47/2020/TT-BTC | | | 27/05/2020 | | | | Thông tư số 47/2020/TT-BTC ngày 27/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thời điểm nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ và hình thức chứng từ chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng trong giai đoạn dịch viêm đường hô hấp cấp gây ra bởi virus Corona (Covid-19) | | | Được thay thế bởi Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Thông tư số 33/2023/TT-BTC) | | | 15/07/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 90/2020/TT-BTC | | | 11/11/2020 | | | | Thông tư số 90/2020/TT-BTC ngày 11/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 77/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 90/2020/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các biểu mẫu sử dụng để xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan | | | 26/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 07/2021/TT-BTC | | | 25/01/2021 | | | | Thông tư số 07/2021/TT-BTC ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thời điểm nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nhập khẩu trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu | | | Được thay thế bởi Thông tư số 33/2023/TT-BTC ngày 31/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23 Thông tư số 33/2023/TT-BTC) | | | 15/07/2023 | | | |  | | |
| **THÔNG TƯ LIÊN TỊCH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư liên Bộ | 15/TTLB/TCHQ-TC | | | 28/01/1997 | | | | Thông tư liên bộ số 15/TTLB/TCHQ-TC ngày 28/01/1997 của Tổng cục Hải quan, Bộ Tài chính hướng dẫn việc in ấn, cấp phát, quản lý và sử dụng ấn chỉ ngành hải quan | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 77/1997/TTLT-BTC-BTM-BNV-TCHQ | | | 01/11/1997 | | | | Thông tư liên tịch số 77/1997/TTLT-BTC-BTM-BNV-TCHQ ngày 01/11/1997 của Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ Nội vụ và Tổng cục Hải quan về việc dán tem hàng nhập khẩu | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 03/2000/TTLT-TCHQ-BNG | | | 06/06/2000 | | | | Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT-TCHQ-BNG ngày 06/06/2000 của liên bộ Tổng cục Hải quan - Bộ Ngoại giao hướng dẫn thi hành Điều 4 Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 03/2001/TTLT-TCHQ-BNG | | | 21/06/2001 | | | | Thông tư liên tịch số 03/2001/TTLT-TCHQ-BNG ngày 21/06/2001 của Tổng cục Hải quan và Bộ Ngoại giao bổ sung, sửa đổi một số điểm quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT-TCHQ-BNG ngày 06/06/2000 của Tổng cục Hải quan và Bộ Ngoại giao hướng dẫn thi hành Điều 4 Quyết định số 210/1999/QĐ-TTg ngày 27/10/1999 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 84/2013/TTLT-BTC-BCT-BGTVT | | | 25/06/2013 | | | | Thông tư liên tịch số 84/2013/TTLT-BTC-BCT-BGTVT ngày 25/06/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Quyết định số 48/2011/QĐ-TTg ngày 31/08/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
| **QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Quyết định | 29/2006/QĐ-BTC | | | 08/05/2006 | | | | Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08/05/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy định về mẫu, hướng dẫn sử dụng, in phát hành và quản lý tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 42/2006/QĐ-BTC | | | 18/08/2006 | | | | Quyết định số 42/2006/QĐ-BTC ngày 18/08/2006 của Bộ Tài chính về việc bổ sung Điều 1 Quyết định số  9/2006/QĐ-BTC ngày 08/05/2006 của Bộ Tài chính ban hành Quy định về mẫu, hướng dẫn sử dụng, in phát hành và quản lý tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 55/2006/QĐ-BTC | | | 11/10/2006 | | | | Quyết định số 55/2006/QĐ-BTC ngày 11/10/2006 của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ mẫu tờ khai nhập cảnh/xuất cảnh quy định tại Điều 1 Quyết định số 29/2006/QĐ-BTC ngày 08/05/2006 của Bộ Tài chính | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | |  | | |
| **LĨNH VỰC HƠP TÁC QUỐC TẾ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Nghị định | 124/2016/NĐ-CP | | | 01/09/2016 | | | | Nghị định số 124/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định thương mại song phương giữa Việt Nam - Lào | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 7 Nghị định số 124/2016/NĐ-CP quy định: “Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2016 đến ngày 03 tháng 10 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 03/10/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 149/2017/NĐ-CP | | | 26/12/2017 | | | | Nghị định số 149/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2018-2022 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 125/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2022 - 2027 | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 150/2017/NĐ-CP | | | 26/12/2017 | | | | Nghị định số 150/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa một bên là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bên kia là Liên minh Kinh tế Á - Âu và các nước thành viên giai đoạn 2018-2022 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 113/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa một bên là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bên kia là Liên minh Kinh tế Á - Âu và các quốc gia thành viên giai đoạn 2022 - 2027 | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 153/2017/NĐ-CP | | | 27/12/2017 | | | | Nghị định số 153/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2018 - 2022 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 118/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2022 - 2027 | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 154/2017/NĐ-CP | | | 27/12/2017 | | | | Nghị định số 154/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Chi Lê giai đoạn 2018-2022 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 112/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Chi Lê giai đoạn 2022 - 2027 | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 155/2017/NĐ-CP | | | 27/12/2017 | | | | Nghị định số 155/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác kinh tế giai đoạn 2018-2023 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 124/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản giai đoạn 2022 - 2028 | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 156/2017/NĐ-CP | | | 27/12/2017 | | | | Nghị định số 156/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN giai đoạn 2018-2022 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 126/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2022 - 2027 | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 157/2017/NĐ-CP | | | 27/12/2017 | | | | Nghị định số 157/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2018-2022 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 119/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2022 - 2027 | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 158/2017/NĐ-CP | | | 27/12/2017 | | | | Nghị định số 158/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Ôt-xtrây-lia - Niu Di-lân giai đoạn 2018-2022 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 121/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN - Ốt-xtrây-lia - Niu Di-lân giai đoạn 2022 - 2027 | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 159/2017/NĐ-CP | | | 27/12/2017 | | | | Nghị định số 159/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ giai đoạn 2018-2022 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 122/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Ấn Độ giai đoạn 2022 - 2027 | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 160/2017/NĐ-CP | | | 27/12/2017 | | | | Nghị định số 160/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản giai đoạn 2018-2023 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 120/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản giai đoạn 2022 - 2028 | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 57/2019/NĐ-CP | | | 26/06/2019 | | | | Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ngày 26/06/2019 của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2019 - 2022 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 115/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2022 - 2027 | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 92/2019/NĐ-CP | | | 20/11/2019 | | | | Nghị định số 92/2019/NĐ-CP ngày 20/11/2019 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Bản thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2019 - 2020 | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 7 Nghị định số 92/2019/NĐ-CP quy định: “Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 01 năm 2020 cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020”) | | | Đến hết ngày 31/12/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 07/2020/NĐ-CP | | | 05/01/2020 | | | | Nghị định số 39/2020/NĐ-CP ngày 05/01/2020 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc giai đoạn 2019 - 2022 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 123/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc giai đoạn 2022 - 2027 | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 39/2020/NĐ-CP | | | 03/04/2020 | | | | Nghị định số 39/2020/NĐ-CP ngày 03/04/2020 của Chính phủ ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Cuba giai đoạn 2020 - 2023 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 114/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Cuba giai đoạn 2022 - 2027 | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 111/2020/NĐ-CP | | | 18/09/2020 | | | | Nghị định số 111/2020/NĐ-CP ngày 18/09/2020 của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu giai đoạn 2020 - 2022 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 116/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu giai đoạn 2022 - 2027 | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 53/2021/NĐ-CP | | | 21/05/2021 | | | | Nghị định số 53/2021/NĐ-CP ngày 21/05/2021 của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len giai đoạn 2021 - 2022 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 117/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len giai đoạn 2022 - 2027 | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 83/2021/NĐ-CP | | | 13/09/2021 | | | | Nghị định số 83/2021/NĐ-CP ngày 13/09/2021 của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện thỏa thuận thúc đẩy thương mại song phương của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia giai đoạn 2021 - 2022 | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (khoản 1 Điều 6 Nghị định số 83/2021/NĐ-CP quy định: “Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022”) | | | Đến hết ngày 31/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 90/2021/NĐ-CP | | | 19/10/2021 | | | | Nghị định số 90/2021/NĐ-CP ngày 19/10/2021 của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào từ ngày 04 tháng 10 năm 2020 đến ngày 04 tháng 10 năm 2023 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 127/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào từ ngày 30 tháng 12 năm 2022 đến ngày 04 tháng 10 năm 2023 | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 21/2022/NĐ-CP | | | 10/03/2022 | | | | Nghị định số 21/2022/NĐ-CP ngày 10/03/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2019 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2019 - 2022 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 115/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương giai đoạn 2022 - 2027 | | |  | | | |  | | |
| **LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **LUẬT** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Luật | 70/2006/QH11 | | | 29/06/2006 | | | | | Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 | | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 134 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Luật | 62/2010/QH12 | | | 24/11/2010 | | | | | Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán | | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 134 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 | 01/01/2021 | | | |  | | |
| **NGHỊ ĐỊNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Nghị định | 90/2003/NĐ-CP | | | 12/08/2003 | | | | Nghị định số 90/2003/NĐ-CP ngày 12/08/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 144/2003/NĐ-CP | | | 28/11/2003 | | | | Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 05/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 161/2004/NĐ-CP | | | 07/09/2004 | | | | Nghị định số 161/2004/NĐ-CP ngày 07/09/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 05/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 58/2012/NĐ-CP | | | 20/07/2012 | | | | Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán | | | Được thay thế bởi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 309 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 108/2013/NĐ-CP | | | 23/09/2013 | | | | Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23/09/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 42/2015/NĐ-CP | | | 05/05/2015 | | | | Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05/05/2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh | | | Được thay thế bởi Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh (theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 158/2020/NĐ-CP) | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 60/2015/NĐ-CP | | | 26/06/2015 | | | | Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán | | | Được thay thế bởi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 309 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 86/2016/NĐ-CP | | | 01/07/2016 | | | | Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán | | | Được thay thế bởi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 309 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 145/2016/NĐ-CP | | | 01/11/2016 | | | | Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 09 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 71/2017/NĐ-CP | | | 06/06/2017 | | | | Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng | | | Được thay thế bởi Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 309 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP) | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
| **QUYẾT ĐỊNH, CHỈ THỊ CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Chỉ thị | 20/2008/CT-TTg | | | 23/06/2008 | | | | Chỉ thị số 20/2008/CT-TTg ngày 23/06/2008 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý thị trường chứng khoán | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 71 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 171/2008/QĐ-TTg | | | 18/12/2008 | | | | Quyết định số 171/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam | | | Khoản 2 Điều 7 Quyết định 26/2022/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ thành lập, tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam quy đinh: "Quyết định số 171/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam bắt đầu hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định này.”  Khoản 1 Điều 8: “Thời điểm Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam bắt đầu hoạt động là sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đảm bảo thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 135 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14” | | | Quyết định số 171/2008/QĐ-TTg ngày 18/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam bắt đầu hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định 26/2022/QĐ-TTg | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 599/2007/QĐ-TTg | | | 11/05/2007 | | | | Quyết định số 599/2007/QĐ-TTg ngày 11/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thành Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh | | | Hết hiệu lực theo Khoản 2 Điều 7 Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ thành lập, tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam quy định: “Các Quyết định số 01/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Quyết định số 599/2007/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển Trung tâm Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thành Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 21/2015/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2015 sửa đổi một số điều của Quyết định số 599/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam bắt đầu hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định này”.  Khoản 1 Điều 8: “Thời điểm Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam bắt đầu hoạt động thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 135 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”. | | | **13/4/2021** | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 01/2009/QĐ-TTg | | | 02/01/2009 | | | | Quyết định số 01/2009/QĐ-TTg ngày 02/1/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội | | | Hết hiệu lực theo Khoản 2 Điều 7 Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ thành lập, tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam quy định: “Các Quyết định số 01/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Quyết định số 599/2007/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển Trung tâm Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thành Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 21/2015/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2015 sửa đổi một số điều của Quyết định số 599/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam bắt đầu hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định này”.  Khoản 1 Điều 8: “Thời điểm Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam bắt đầu hoạt động thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 135 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”. | | | Quyết định số 01/2009/QĐ-TTg hết hiệu lực kể từ ngày Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam bắt đầu hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg. | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 21/2015/QĐ-TTg | | | 18/06/2015 | | | | Quyết định số 21/2015/QĐ-TTg ngày 18/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 599/2007/QĐ-TTg về chuyển Trung tâm Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thành Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh | | | Hết hiệu lực theo Khoản 2 Điều 7 Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ thành lập, tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam quy định: “Các Quyết định số 01/2009/QĐ-TTg ngày 02 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Quyết định số 599/2007/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển Trung tâm Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thành Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định số 21/2015/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2015 sửa đổi một số điều của Quyết định số 599/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam bắt đầu hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định này”.  Khoản 1 Điều 8: “Thời điểm Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam bắt đầu hoạt động thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 135 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp”. | | | Quyết định số 21/2015/QĐ-TTg hết hiệu lực kể từ ngày Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam bắt đầu hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quyết định số 37/2020/QĐ-TTg. | | | |  | | |
| **THÔNG TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư | 194/2009/TT-BTC | | | 02/10/2009 | | | | Thông tư số 194/2009/TT-BTC ngày 02/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chào mua công khai cổ phiếu của công ty đại chúng, chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng dạng đóng | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 28/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm và tài chính ngân hàng | | | 02/06/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 183/2011/TT-BTC | | | 16/12/2011 | | | | Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở | | | Được thay thế bởi Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán (theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Thông tư số 98/2020/TT-BTC) | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 210/2012/TT-BTC | | | 30/11/2012 | | | | Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán | | | Được thay thế bởi Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán (theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Thông tư số 121/2020/TT-BTC) | | | 15/02/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 212/2012/TT-BTC | | | 05/12/2012 | | | | Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ | | | Được thay thế bởi Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán (theo quy định của khoản 2 Điều 31 Thông tư số 99/2020/TT-BTC) | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 234/2012/TT-BTC | | | 28/12/2012 | | | | Thông tư số 234/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương | | | Được thay thế bởi Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28/05/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 Thông tư số 30/2019/TT-BTC) | | | 15/07/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 224/2012/TT-BTC | | | 26/12/2012 | | | | Thông tư số 224/2012/TT-BTC ngày 26/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên | | | Được thay thế bởi Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán (theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Thông tư số 98/2020/TT-BTC) | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 227/2012/TT-BTC | | | 27/12/2012 | | | | Thông tư số 227/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn, thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý công ty đầu tư chứng khoán | | | Được thay thế bởi Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán (theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Thông tư số 98/2020/TT-BTC) | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 228/2012/TT-BTC | | | 27/12/2012 | | | | Thông tư số 228/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đầu tư bất động sản | | | Được thay thế bởi Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán (theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Thông tư số 98/2020/TT-BTC) | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 229/2012/TT-BTC | | | 27/12/2012 | | | | Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục | | | Được thay thế bởi Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán (theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Thông tư số 98/2020/TT-BTC) | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 91/2013/TT-BTC | | | 28/06/2013 | | | | Thông tư số 91/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đăng ký thành lập, tổ chức và hoạt động văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam | | | Được thay thế bởi Thông tư số 97/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quỹ lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam (theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 97/2020/TT-BTC) | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 217/2013/TT-BTC | | | 31/12/2013 | | | | Thông tư số 217/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán | | | Được thay thế bởi Thông tư số 117/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp tính khoản thu trái pháp luật, số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán (theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 117/2020/TT-BTC) | | | 15/02/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 123/2015/TT-BTC | | | 18/08/2015 | | | | Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam | | | Được thay thế bởi Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam (theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 51/2021/TT-BTC) | | | 16/08/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 155/2015/TT-BTC | | | 06/10/2015 | | | | Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán | | | Được thay thế bởi Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Thông tư số 96/2020/TT-BTC) | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 162/2015/TT-BTC | | | 26/10/2015 | | | | Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu | | | Được thay thế bởi Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng (theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 118/2020/TT-BTC) | | | 15/02/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 180/2015/TT-BTC | | | 13/11/2015 | | | | Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác | | | 20/07/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 202/2015/TT-BTC | | | 18/12/2015 | | | | Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác | | | 20/07/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 203/2015/TT-BTC | | | 21/12/2015 | | | | Thông tư số 203/2015/TT-BTC ngày 21/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán | | | Được thay thế bởi Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán (theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 121/2020/TT-BTC) | | | 15/02/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 07/2016/TT-BTC | | | 18/01/2016 | | | | Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán | | | Được thay thế bởi Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động của công ty chứng khoán (theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Thông tư số 121/2020/TT-BTC) | | | 15/02/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 15/2016/TT-BTC | | | 20/01/2016 | | | | Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở | | | Được thay thế bởi Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán (theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Thông tư số 98/2020/TT-BTC) | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 10/2017/TT-BTC | | | 06/02/2017 | | | | Thông tư số 10/2017/TT-BTC ngày 06/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 234/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương | | | Được thay thế bởi Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28/05/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương (theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37 Thông tư số 30/2019/TT-BTC) | | | 15/07/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 29/2017/TT-BTC | | | 12/04/2017 | | | | Thông tư số 29/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác | | | 20/07/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 36/2017/TT-BTC | | | 27/04/2017 | | | | Thông tư số 36/2017/TT-BTC ngày 27/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 217/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán | | | Được thay thế bởi Thông tư số 117/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp tính khoản thu trái pháp luật, số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán (theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 117/2020/TT-BTC) | | | 15/02/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 46/2017/TT-BTC | | | 12/05/2017 | | | | Thông tư số 46/2017/TT-BTC ngày 12/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động thanh toán giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương | | | Được thay thế bởi Thông tư số 30/2019/TT-BTC ngày 28/05/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký, lưu ký, niêm yết, giao dịch và thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do Ngân hàng Chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37 Thông tư số 30/2019/TT-BTC) | | | 15/07/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 87/2017/TT-BTC | | | 15/08/2017 | | | | Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/08/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính | | | Được thay thế bởi Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính (theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 91/2020/TT-BTC) | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 95/2017/TT-BTC | | | 22/09/2017 | | | | Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ trưởng Bộ Tai chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng | | | Được thay thế bởi Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 116/2020/TT-BTC) | | | 15/02/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 115/2017/TT-BTC | | | 25/10/2017 | | | | Thông tư số 115/2017/TT-BTC ngày 25/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 95/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 116/2017/TT-BTC | | | 25/10/2017 | | | | Thông tư số 116/2017/TT-BTC ngày 25/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam | | | 24/03/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 13/2019/TT-BTC | | | 15/03/2019 | | | | Thông tư số 13/2019/TT-BTC ngày 15/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 180/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư số 57/2021/TT-BTC ngày 12/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lộ trình sắp xếp lại thị trường giao dịch cổ phiếu, thị trường giao dịch trái phiếu, thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh và thị trường giao dịch các loại chứng khoán khác | | | 20/07/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 35/2019/TT-BTC | | | 12/06/2019 | | | | Thông tư số 35/2019/TT-BTC ngày 12/06/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 115/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2017 hướng dẫn giám sát giao dịch chứng khoán trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 116/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Thông tư số 06/2022/TT-BTC ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công tác giám sát tuân thủ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam | | | 24/03/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 91/2019/TT-BTC | | | 31/12/2019 | | | | Thông tư số 91/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định về chế độ báo cáo và thủ tục hành chính áp dụng với công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán và khoản 2 Điều 31 Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
| **LĨNH VỰC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **NGHỊ ĐỊNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Nghị định | 105/2004/NĐ-CP | | | 30/03/2004 | | | | Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/03/2004 của Chính phủ về kiểm toán độc lập | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 05/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
| **THÔNG TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư | 77/2007/TT-BTC | | | 05/07/2007 | | | | Thông tư số 77/2007/TT-BTC ngày 05/07/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ “Vì người nghèo” | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 103/2018/TT- BTC ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho quỹ "Vì người nghèo" | | | 01/01/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 49/2009/TT-BTC | | | 12/03/2009 | | | | Thông tư số 49/2009/TT-BTC ngày 12/03/2009 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương. | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Thông tư số 209/2015/TT-BTC  ngày 28/12/2015 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Quỹ Đầu tư phát triển địa phương. | | | Có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày 28/12/2015 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 91/2010/TT-BTC | | | 17/06/2010 | | | | Thông tư số 91/2010/TT-BTC ngày 17/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thi hành án dân sự | | | Được thay thế bởi Thông tư số 78/2020/TT-BTC ngày 14/08/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thi hành án dân sự (theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 78/2020/TT-BTC) | | | 01/10/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 152/2010/TT-BTC | | | 28/09/2010 | | | | Thông tư số 152/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam | | | Được thay thế bởi Thông tư số 89/2019/TT-BTC ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 89/2019/TT-BTC) | | | 10/02/2020 và áp dụng bắt đầu cho năm tài chính 2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 146/2011/TT-BTC | | | 26/10/2011 | | | | Thông tư số 146/2011/TT-BTC ngày 26/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã ban hành kèm theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | | | Được thay thế bởi Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã (theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 70/2019/TT-BTC) | | | 01/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 129/2012/TT-BTC | | | 09/08/2012 | | | | Thông tư số 129/2012/TT-BTC ngày 09/8/2012 quy định về việc thi và cấp chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ hành nghề kế toán | | | Thay thế bởi Thông tư số 91/2017/TT-BTC ngày 31/8/2017 quy định về việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ kiểm toán viên và chứng chỉ kế toán viên (theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 91/2017/TT-BTC). | | | 15/10/2017 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 178/2012/TT-BTC | | | 23/10/2012 | | | | Thông tư số 178/2012/TT-BTC ngày 23/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán Bảo hiểm xã hội Việt Nam | | | Được thay thế bởi Thông tư số 102/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán Bảo hiểm xã hội (theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 102/2018/TT-BTC). | | | 01/01/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 142/2014/TT-BTC | | | 25/09/2014 | | | | Thông tư số 142/2014/TT-BTC ngày 25/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán dự trữ quốc gia | | | Được thay thế bởi Thông tư số 108/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán Dự trữ quốc gia (theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 108/2018/TT-BTC). | | | 01/01/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 98/2014/TT-BTC | | | 25/07/2014 | | | | Thông tư số 98/2014/TT-BTC ngày 25/07/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ | | | Được thay thế bởi Thông tư số 76/2019/TT-BTC ngày 05/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi (theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 76/2019/TT-BTC) | | | 01/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 170/2014/TT-BTC | | | 14/11/2014 | | | | Thông tư số 170/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ Tích luỹ trả nợ | | | Bị thay thế bởi Thông tư số 109/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Tích lũy trả nợ (theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư số 109/2018/TT-BTC). | | | 01/01/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 74/2018/TT-BTC | | | 16/08/2018 | | | | Thông tư số 74/2018/TT-BTC ngày 16/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ | | | Được thay thế bởi Thông tư số 99/2021/TT-BTC ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ (theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Thông tư số 99/2021/TT-BTC) | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 103/2018/TT-BTC | | | 14/11/2018 | | | | Thông tư số 103/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho Quỹ “Vì người nghèo” | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 41/2022/TT-BTC ngày 05/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán áp dụng cho các hoạt động xã hội, từ thiện | | | 01/09/2022 | | | |  | | |
| **QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Quyết định | 169/2000/QĐ-BTC | | | 25/10/2000 | | | | Quyết định số 169/2000/QĐ-BTC ngày 25/10/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ kế toán hộ kinh doanh | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 88/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 131/2002/QĐ-BTC | | | 18/10/2002 | | | | Quyết định số 131/2002/QĐ-BTC ngày 18/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán hộ kinh doanh | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 88/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 94/2005/QĐ-BTC | | | 12/12/2005 | | | | Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành “Chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã” | | | Được thay thế bởi Thông tư số 70/2019/TT-BTC ngày 03/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã (theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 70/2019/TT-BTC) | | | 01/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 32/2007/QĐ-BTC | | | 15/05/2007 | | | | Quyết định số 32/2007/QĐ-BTC ngày 15/05/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành "Quy chế kiểm soát chất lượng dịch vụ kế toán, kiểm toán" | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư số 09/2021/TT-BTC ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán | | | 01/04/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 74/2007/QĐ-BTC | | | 21/08/2007 | | | | Quyết định số 74/2007/QĐ-BTC ngày 21/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 90/2021/TT-BTC ngày 13/10/2021 | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
| **LĨNH VỰC QUẢN LÝ NỢ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **THÔNG TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư | 109/2007/TT-BTC | | | 10/09/2007 | | | | Thông tư số 109/2007/TT-BTC ngày 10/09/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ phi chính phủ nước ngoài không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước | | | 20/05/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 05/2008/TT-BTC | | | 14/01/2008 | | | | Thông tư số 05/2008/TT-BTC ngày 14/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý vốn vay cho dự án hỗ trợ và phát triển đào tạo đại học và sau đại học về công nghệ thông tin và truyền thông do ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản tài trợ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 04/2020/TT-BTC ngày 06/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 132/2008/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý vốn vay cho chương trình tín dụng chuyên ngành của cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản và Thông tư số 05/2008/TT-BTC ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý vốn vay cho dự án hỗ trợ và phát triển đào tạo đại học và sau đại học về công nghệ thông tin do cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản tài trợ | | | 20/02/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 132/2008/TT-BTC | | | 29/12/2008 | | | | Thông tư số 132/2008/TT-BTC ngày 29/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý vốn vay cho chương trình tín dụng chuyên ngành của cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 04/2020/TT-BTC ngày 06/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 132/2008/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý vốn vay cho chương trình tín dụng chuyên ngành của cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản và Thông tư số 05/2008/TT-BTC ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý vốn vay cho dự án hỗ trợ và phát triển đào tạo đại học và sau đại học về công nghệ thông tin do cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản tài trợ | | | 20/02/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 110/2009/TT-BTC | | | 29/05/2009 | | | | Thông tư số 110/2009/TT-BTC ngày 29/05/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn IFAD | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | [219/2009/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-219-2009-tt-btc-dinh-muc-chi-tieu-ap-dung-cho-cac-du-an-chuong-trinh-su-dung-nguon-von-ho-tro-phat-trien-chinh-thuc-oda-98172.aspx) | | | 19/11/2009 | | | | Thông tư số [219/2009/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-219-2009-tt-btc-dinh-muc-chi-tieu-ap-dung-cho-cac-du-an-chuong-trinh-su-dung-nguon-von-ho-tro-phat-trien-chinh-thuc-oda-98172.aspx) ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 66/2023/TT-BTC ngày 31/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số [219/2009/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-219-2009-tt-btc-dinh-muc-chi-tieu-ap-dung-cho-cac-du-an-chuong-trinh-su-dung-nguon-von-ho-tro-phat-trien-chinh-thuc-oda-98172.aspx) ngày 19/11/2009 của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và Thông tư số [192/2011/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-192-2011-tt-btc-sua-doi-thong-tu-219-2009-tt-btc-133439.aspx) ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số [219/2009/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-219-2009-tt-btc-dinh-muc-chi-tieu-ap-dung-cho-cac-du-an-chuong-trinh-su-dung-nguon-von-ho-tro-phat-trien-chinh-thuc-oda-98172.aspx) ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính. | | | 14/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 225/2010/TT-BTC | | | 31/12/2010 | | | | Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước | | | Được thay thế bởi Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước (theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư số 23/2022/TT-BTC) | | | 20/05/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 42/2011/TT-BTC | | | 25/3/2011 | | | | Thông tư số 42/2011/TT-BTC ngày 25/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính Quỹ hỗ trợ các hoạt động ngoại giao phục vụ kinh tế. | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 68/2023/TT-BTC ngày 08/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ 04 Thông tư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành liên quan đến việc quản lý tài chính trong lĩnh vực ngoại giao | | | 25/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 73/2011/TT-BTC | | | 30/5/2011 | | | | Thông tư số 73/2011/TT-BTC ngày 30/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính Quỹ hỗ trợ, vận động cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 68/2023/TT-BTC ngày 08/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ 04 Thông tư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành liên quan đến việc quản lý tài chính trong lĩnh vực ngoại giao | | | 25/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 142/2011/TT-BTC | | | 20/10/2011 | | | | Thông tư số 142/2011/TT-BTC ngày 20/10/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý tài chính đối với nguồn vốn vay Quỹ Kuwait và Quỹ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 66/2022/TT-BTC ngày 07/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 142/2011/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý tài chính đối với nguồn vốn vay Quỹ Kuwait và Quỹ Saudi | | | Có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày 07/11/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | [192/2011/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-192-2011-tt-btc-sua-doi-thong-tu-219-2009-tt-btc-133439.aspx) | | | 26/12/2011 | | | | Thông tư số [192/2011/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-192-2011-tt-btc-sua-doi-thong-tu-219-2009-tt-btc-133439.aspx) của Bộ Tài chính ngày 26 tháng 12 năm 2011 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số [219/2009/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-219-2009-tt-btc-dinh-muc-chi-tieu-ap-dung-cho-cac-du-an-chuong-trinh-su-dung-nguon-von-ho-tro-phat-trien-chinh-thuc-oda-98172.aspx) của Bộ Tài chính ngày 19 tháng 11 năm 2009 quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 66/2023/TT-BTC ngày 31/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số [219/2009/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-219-2009-tt-btc-dinh-muc-chi-tieu-ap-dung-cho-cac-du-an-chuong-trinh-su-dung-nguon-von-ho-tro-phat-trien-chinh-thuc-oda-98172.aspx) ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các dự án/chương trình sử dụng nguồn vốn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và Thông tư số [192/2011/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-192-2011-tt-btc-sua-doi-thong-tu-219-2009-tt-btc-133439.aspx) ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số [219/2009/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-219-2009-tt-btc-dinh-muc-chi-tieu-ap-dung-cho-cac-du-an-chuong-trinh-su-dung-nguon-von-ho-tro-phat-trien-chinh-thuc-oda-98172.aspx) ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính. | | | 14/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 193/2011/TT-BTC | | | 23/12/2011 | | | | Thông tư số 193/2011/TT-BTC ngày 23/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính, giải ngân đối với các chương trình dự án tài trợ bằng nguồn vốn Quỹ OPEC về Phát triển quốc tế (OFID) | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 26/2013/TT-BTC | | | 11/03/2013 | | | | Thông tư số 26/2013/TT-BTC ngày 11/03/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giải ngân và cơ chế tài chính đối với nguồn vốn tín dụng và viện trợ của Chính phủ Liên bang Nga cho Dự án xây dựng Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 03/2020/TT-BTC ngày 06/01/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 26/2013/TT-BTC ngày 11 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định thủ tục giải ngân và cơ chế tài chính đối với nguồn vốn tín dụng và viện trợ của Chính phủ Liên bang Nga cho Dự án Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 | | | 20/02/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 117/2013/TT-BTC | | | 23/08/2013 | | | | Thông tư số 117/2013/TT-BTC ngày 23/08/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính và giải ngân đối với nguồn vốn tín dụng của Ngân hàng Đầu tư Châu Âu cho hai dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm Thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn - Ga Hà Nội (Tuyến số 3) và dự án xây dựng tuyến tàu điện ngầm số 2 Thành phố Hồ Chí Minh | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 63/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 117/2013/TT-BTC ngày 23 tháng 08 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính và giải ngân đối với nguồn vốn tín dụng của Ngân hàng Đầu tư Châu Âu cho hai Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP. Hà Nội, đoạn Nhổn-Ga Hà Nội (tuyến số 3) và Dự án Xây dựng tuyến tàu điện ngầm số 2 TP. Hồ Chí Minh và Thông tư số 105/2015/TT-BTC ngày 08/07/2015 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 117/2013/TT-BTC ngày 23/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính và giải ngân đối với nguồn vốn tín dụng của Ngân hàng Đầu tư Châu Âu cho hai Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP. Hà Nội, đoạn Nhổn-Ga Hà Nội (tuyến số 3) và Dự án Xây dựng tuyến tàu điện ngầm số 2 TP. Hồ Chí Minh | | | 20/11/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 31/2015/TT-BTC | | | 12/3/2015 | | | | Thông tư số 31/2015/TT-BTC ngày 12/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ cho tổ chức được Bộ Ngoại giao giao hoặc ủy quyền thực hiện nhiệm vụ tuyển chọn, giới thiệu và quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 68/2023/TT-BTC ngày 08/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ 04 Thông tư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành liên quan đến việc quản lý tài chính trong lĩnh vực ngoại giao | | | 25/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 37/2015/TT-BTC | | | 25/3/2015 | | | | Thông tư số 37/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà, đất phục vụ hoạt động đối ngoại của Nhà nước theo hình thức hỗ tương và theo hình thức giao sử dụng nhà, đất không phải trả tiền. | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 68/2023/TT-BTC ngày 08/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ 04 Thông tư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành liên quan đến việc quản lý tài chính trong lĩnh vực ngoại giao | | | 25/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 105/2015/TT-BTC | | | 08/07/2015 | | | | Thông tư số 105/2015/TT-BTC ngày 08/07/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 117/2013/TT-BTC ngày 23/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính và giải ngân đối với nguồn vốn tín dụng của Ngân hàng Đầu tư Châu Âu cho hai dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP. Hà Nội, đoạn Nhổn - Ga Hà Nội (tuyến số 3) và dự án xây dựng tuyến tàu điện ngầm số 2 TP. Hồ Chí Minh | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 63/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 117/2013/TT-BTC ngày 23 tháng 08 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính và giải ngân đối với nguồn vốn tín dụng của Ngân hàng Đầu tư Châu Âu cho hai Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP. Hà Nội, đoạn Nhổn-Ga Hà Nội (tuyến số 3) và Dự án Xây dựng tuyến tàu điện ngầm số 2 TP. Hồ Chí Minh và Thông tư số 105/2015/TT-BTC ngày 08/07/2015 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 117/2013/TT-BTC ngày 23/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính và giải ngân đối với nguồn vốn tín dụng của Ngân hàng Đầu tư Châu Âu cho hai Dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP. Hà Nội, đoạn Nhổn-Ga Hà Nội (tuyến số 3) và Dự án Xây dựng tuyến tàu điện ngầm số 2 TP. Hồ Chí Minh | | | 20/11/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 111/2015/TT-BTC | | | 28/07/2015 | | | | Thông tư số 111/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn phát hành trái phiếu chính phủ tại thị trường trong nước | | | Bị thay thế bởi Thông tư số 111/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của chính phủ tại thị trường trong nước (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Thông tư số 111/2018/TT-BTC). | | | 01/01/2019 | | | |  | | |
| **LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **NGHỊ ĐỊNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Nghị định | 138/2007/NĐ-CP | | | | 28/08/2007 | | | Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/08/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương | | | Được thay thế bởi Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP) | | | 05/02/2021 | | |  | | | |
|  |  | | Nghị định | 90/2011/NĐ-CP | | | | 14/10/2011 | | | Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp. | | | Được thay thế bởi Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh (theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 163/2018/NĐ-CP). | | | 01/02/2019 | | |  | | | |
|  |  | | Nghị định | 37/2013/NĐ-CP | | | | 22/04/2013 | | | Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/04/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 08 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương | | | Được thay thế bởi Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP) | | | 05/02/2021 | | |  | | | |
|  |  | | Nghị định | 86/2013/NĐ-CP | | | | 29/07/2013 | | | Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29/07/2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 43 Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27/12/2021 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài | | | 12/02/2022 | | |  | | | |
|  |  | | Nghị định | 175/2016/NĐ-CP | | | | 30/12/2016 | | | Nghị định số 175/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 43 Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27/12/2021 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài | | | 12/02/2022 | | |  | | | |
|  |  | | Nghị định | 163/2018/NĐ-CP | | | | 04/12/2018 | | | Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp | | | Được thay thế bởi Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP) | | | 01/01/2021 | | |  | | | |
|  |  | | Nghị định | 81/2020/NĐ-CP | | | | 09/07/2020 | | | Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 09/07/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp | | | Được thay thế bởi Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP) | | | 01/01/2021 | | |  | | | |
| **QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Quyết định | 44/2007/QĐ-TTg | | | | 30/03/2007 | | | | | Quyết định số 44/2007/QĐ-TTg ngày 30/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng phát triển Việt Nam | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/03/2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam | | | 01/06/2021 và áp dụng từ năm tài chính 2021 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 13/2008/QĐ-TTg | | | | 18/01/2008 | | | | | Quyết định số 13/2008/QĐ-TTg ngày 18/1/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Quyết định số 05/2019/QĐ-TTg ngày 24/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 15/03/2019 | | | |  | | |
| **THÔNG TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư | 67/2006/TT-BTC | | | | 18/07/2006 | | | Thông tư số 67/2006/TT-BTC ngày 18/07/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 16/2021/TT-BTC ngày 19/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 67/2006/TT-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam | | | 05/04/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 81/2007/TT-BTC | | | | 11/07/2007 | | | Thông tư số 81/2007/TT-BTC ngày 11/07/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã | | | Được thay thế bởi Thông tư số 52/2022/TT-BTC ngày 12/08/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 03 năm 2021 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư số 52/2022/TT-BTC) | | | 01/10/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 111/2007/TT-BTC | | | | 12/9/2007 | | | Thông tư số 111/2007/TT-BTC ngày 12/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 128/2021/TT-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam | | | 31/12/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 105/2007/TT-BTC | | | | 30/08/2007 | | | Thông tư số 105/2007/TT-BTC ngày 30/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý rủi ro vốn tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 28/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm và tài chính ngân hàng | | | 02/06/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 110/2007/TT-BTC | | | | 12/09/2007 | | | Thông tư số 110/2007/TT-BTC ngày 12/09/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung Nghị định số 104/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh dịch vụ đòi nợ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 53/2021/TT-BTC ngày 06/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ các Thông tư trong lĩnh vực tài chính ngân hàng do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành | | | 23/08/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 111/2007/TT-BTC | | | | 12/09/2007 | | | Thông tư số 111/2007/TT-BTC ngày 12/09/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế tài chính đối với ngân hàng phát triển Việt Nam | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 128/2021/TT-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam | | | 31/12/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 161/2010/TT-BTC | | | | 20/10/2010 | | | Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 07 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ | | | 19/05/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 150/2011/TT-BTC | | | | 09/11/2011 | | | Thông tư số 150/2011/TT-BTC ngày 09/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoán đổi trái phiếu Chính phủ | | | Được thay thế bởi Thông tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Thông tư số 110/2018/TT-BTC). | | | 01/01/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 35/2012/TT-BTC | | | | 02/03/2012 | | | Thông tư số 35/2012/TT-BTC ngày 02/03/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 28/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm và tài chính ngân hàng | | | 02/06/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 96/2012/TT-BTC | | | | 08/06/2012 | | | Thông tư số 96/2012/TT-BTC ngày 08/06/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ giá điện đối với dự án điện gió nối lưới | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 53/2021/TT-BTC ngày 06/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ các Thông tư trong lĩnh vực tài chính ngân hàng do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành | | | 23/08/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 211/2012/TT-BTC | | | | 05/12/2012 | | | Thông tư số 211/2012/TT-BTC ngày 05/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 90/2011/NĐ-CP ngày 14/10/2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 53/2021/TT-BTC ngày 06/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ các Thông tư trong lĩnh vực tài chính ngân hàng do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành | | | 23/08/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 76/2013/TT-BTC | | | | 04/06/2013 | | | Thông tư số 76/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của Hội đồng giám sát xổ số | | | Được thay thế bởi Thông tư số 22/2021/TT-BTC ngày 29/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về việc thành lập, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của Hội đồng giám sát xổ số (theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 22/2021/TT-BTC) | | | 15/05/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 11/2014/TT-BTC | | | | 17/01/2014 | | | Thông tư số 11/2014/TT-BTC ngày 17/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài | | | Được thay thế bởi Thông tư số 39/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Thông tư số 39/2022/TT-BTC) | | | 08/08/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 28/2014/TT-BTC | | | | 25/02/2014 | | | Thông tư số 28/2014/TT-BTC ngày 25/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương | | | Được thay thế bởi Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư số 86/2021/TT-BTC) | | | 20/11/2021 và áp dụng cho năm tài chính 2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 42/2014/TT-BTC | | | | 08/04/2014 | | | Thông tư số 42/2014/TT-BTC ngày 08/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ đầu tư phát triển địa phương | | | Được thay thế bởi Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương (theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư số 86/2021/TT-BTC) | | | 20/11/2021 và áp dụng cho năm tài chính 2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 146/2014/TT-BTC | | | | 06/10/2014 | | | Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ | | | 01/02/2022 và áp dụng từ năm tài chính 2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 147/2014/TT-BTC | | | | 08/10/2014 | | | Thông tư số 147/2014/TT-BTC ngày 08/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tính dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa | | | Được thay thế bởi Thông tư số 15/2019/TT-BTC ngày 18/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Thông tư số 15/2019/TT-BTC) | | | 01/06/2019 và áp dụng từ năm tài chính 2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 99/2015/TT-BTC | | | | 29/06/2015 | | | Thông tư số 99/2015/TT-BTC ngày 29/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 53/2021/TT-BTC ngày 06/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ các Thông tư trong lĩnh vực tài chính ngân hàng do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành | | | 23/08/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 100/2015/TT-BTC | | | | 29/06/2015 | | | Thông tư số 100/2015/TT-BTC ngày 29/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phát hành trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 53/2021/TT-BTC ngày 06/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ các Thông tư trong lĩnh vực tài chính ngân hàng do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành | | | 23/08/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 119/2015/TT-BTC | | | | 12/08/2015 | | | Thông tư số 119/2015/TT-BTC ngày 12/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 53/2021/TT-BTC ngày 06/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ các Thông tư trong lĩnh vực tài chính ngân hàng do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành | | | 23/08/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 37/2016/TT-BTC | | | | 29/02/2016 | | | Thông tư số 37/2016/TT-BTC ngày 29/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Quy định lãi suất cho vay của Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 53/2021/TT-BTC ngày 06/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ các Thông tư trong lĩnh vực tài chính ngân hàng do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành | | | 23/08/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 67/2016/TT-BTC | | | | 29/04/2016 | | | Thông tư số 67/2016/TT-BTC ngày 29/04/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 111/2007/TT-BTC hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 128/2021/TT-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam | | | 31/12/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 22/2017/TT-BTC | | | | 15/03/2017 | | | Thông tư số 22/2017/TT-BTC ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mua lại trái phiếu Chính phủ tại thị trường trong nước | | | Thống tư số 110/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mua lại, hoán đổi công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương tại thị trường trong nước | | | 01/01/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 53/2017/TT-BTC | | | | 19/05/2017 | | | Thông tư số 53/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 69/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 53/2021/TT-BTC ngày 06/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ các Thông tư trong lĩnh vực tài chính ngân hàng do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành | | | 23/08/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 57/2017/TT-BTC | | | | 02/06/2017 | | | Thông tư số 57/2017/TT-BTC ngày 02/06/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 01 năm 2014 hướng dẫn một số điều quy định tại Nghị định số 86/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài | | | Được thay thế bởi Thông tư số 39/2022/TT-BTC ngày 24/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 121/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Thông tư số 39/2022/TT-BTC) | | | 08/08/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 26/2020/TT-BTC | | | | 14/04/2020 | | | Thông tư số 26/2020/TT-BTC ngày 14/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 111/2007/TT-BTC ngày 12 tháng 09 năm 2007 hướng dẫn thực hiện quy chế tài chính đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Thông tư số 67/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 04 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 111/2007/TT-BTC hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 128/2021/TT-BTC ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về chế độ quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam | | | 31/12/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 77/2020/TT-BTC | | | | 14/08/2020 | | | Thông tư số 77/2020/TT-BTC ngày 14/08/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 07 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp | | | Được thay thể bởi Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 122/2020/TT-BTC) | | | 15/02/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 92/2016/TTLT-  BTC-NHNN | | | | 27/06/2015 | | | Thông tư liên tịch số 92/2016/TTLT- BTC-NHNN ngày 27/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc phát hành tín phiếu kho bạc qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | | | Bị thay thế bởi Thông tư số 111/2018/TT- BTC ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn phát hành và thanh toán công cụ nợ của Chính phủ tại thị trường trong nước (theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Thông tư số 111/2018/TT-BTC). | | | 01/01/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 59/2007/QĐ-BTC | | | | 11/07/2007 | | | Quyết định số 59/2007/QĐ-BTC ngày 11/07/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 27/2022/TT-BTC ngày 11/05/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Quyết định số 59/2007/QĐ-BTC ngày 11 tháng 07 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã | | | 01/07/2022 | | | |  | | |
| **LĨNH VỰC BẢO HIỂM** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **NGHỊ ĐỊNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Nghị định | 125/2005/NĐ-CP | | | | | | 07/10/2005 | Nghị định số 125/2005/NĐ-CP ngày 07/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của người kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa dễ cháy và dễ nổ trên đường thủy nội địa | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 05/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 103/2008/NĐ-CP | | | | | | 16/09/2008 | Nghị định số 103/2008/NĐ-CP ngày 16/9/2008 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15/01/2021 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới | | | 01/03/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 102/2011/NĐ-CP | | | | | | 14/11/2011 | Nghị định số 102/2011/NĐ-CP ngày 14/11/2011 của Chính phủ về bảo hiểm trách nhiệm trong khám bệnh, chữa bệnh | | | Được bị bãi bỏ bởi Khoản 22 Điều 147 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh | | | 01/01/2024 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 214/2013/NĐ-CP | | | | | | 20/12/2013 | Nghị định số 214/2013/NĐ-CP ngày 20/12/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2008/NĐ-CP ngày 16/09/2008 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15/01/2021 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới | | | 01/03/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 119/2015/NĐ-CP | | | | | | 13/11/2015 | Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng | | | Bị bãi bỏ theo quy định tại Điều 77 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 6/9/2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng | | | 6/9/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 23/2018/NĐ-CP | | | | | | 23/02/2018 | Nghị định 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 77 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 6/9/2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng | | | 06/9/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 03/2021/NĐ-CP | | | | | | 01/03/2021 | Nghị định 03/2021/NĐ-CP ngày 15/01/2021 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 77 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 6/9/2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng | | | 06/9/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 97/2021/NĐ-CP | | | | | | 23/12/2021 | Nghị định 97/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 77 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 6/9/2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng | | | 06/9/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 20/2022/NĐ-CP | | | | | | 01/7/2022 | Nghị định 20/2022/NĐ-CP ngày 10/03/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 77 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 6/9/2023 của Chính phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng | | | 06/9/2023 | | | |  | | |
| **QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  | Nghị định |
|  |  | | Quyết định | 22/2019/QĐ-TTg | | | | | | 26/06/2019 | Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg ngày 26/06/2019 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp | | | | Được thay thế bởi Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg ngày 09/05/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp (theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg) | | | 24/06/2022 | | | | |  |
|  |  | | Quyết định | 03/2021/QĐ-TTg | | | | | | 25/01/2021 | Quyết định số 03/2021/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 06 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp | | | | Được thay thế bởi Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg ngày 09/05/2022 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp (theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg) | | | 24/06/2022 | | | | |  |
| **THÔNG TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư | 103/2009/TT-BTC | | | | | | 25/05/2009 | Thông tư số 103/2009/TT-BTC ngày 25/05/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán quỹ bảo hiểm xe cơ giới | | | | Được thay thế bởi Thông tư số 04/2021/TT-BTC ngày 15/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới (theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2021/TT-BTC) | | 01/03/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 99/2011/TT-BTC | | | | | | 07/07/2011 | Thông tư số 99/2011/TT-BTC ngày 07/07/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính đối với việc thực hiện thí điểm bảo hiểm tín dụng xuất khẩu | | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 28/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm và tài chính ngân hàng | | 02/06/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 121/2011/TT-BTC | | | | | | 17/08/2011 | Thông tư số 121/2011/TT-BTC ngày 17/08/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013 | | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 28/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm và tài chính ngân hàng | | 02/06/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 101/2012/TT-BTC | | | | | | 20/06/2012 | Thông tư số 101/2012/TT-BTC ngày 20/06/2012 của Bộ Tài chính quy định một số vấn đề về tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013 | | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 28/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm và tài chính ngân hàng | | 02/06/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 151/2012/TT-BTC | | | | | | 12/09/2012 | Thông tư 151/2012/TT-BTC ngày 12/09/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 126/2008/TT-BTC ngày 22/12/2008 của Bộ Tài chính quy định Quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới và Thông tư 103/2009/TT-BTC ngày 22/5/2009 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng, thanh và quyết toán Quỹ bảo hiểm xe cơ giới | | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 10 [Thông tư 04/2021/TT-BTC](https://luatvietnam.vn/bao-hiem/thong-tu-04-2021-huong-dan-ve-bao-hiem-trach-nhiem-dan-su-bat-buoc-197554-d1.html) ngày 15/01/2021 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới. | | 01/03/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 57/2013/TT-BTC | | | | | | 06/05/2013 | Thông tư số 57/2013/TT-BTC ngày 06/05/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 121/2011/TT-BTC ngày 17/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013 | | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 28/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm và tài chính ngân hàng | | 02/06/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 96/2013/TT-BTC | | | | | | 23/07/2013 | Thông tư số 96/2013/TT-BTC ngày 23/07/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 121/2011/TT-BTC ngày 17/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013 và Thông tư số 101/2012/TT-BTC ngày 20/6/2012 quy định một số vấn đề về tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011-2013 | | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư số 28/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm và tài chính ngân hàng | | 02/06/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 43/2014/TT-BTC | | | | | | 11/04/2014 | Thông tư số 43/2014/TT-BTC ngày 11/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 126/2008/TT-BTC ngày 22/12/2008 của Bộ Tài chính quy định Quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, Thông tư số 103/2009/TT-BTC ngày 25/05/2009 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán Quỹ bảo hiểm xe cơ giới và Thông tư số 151/2012/TT-BTC ngày 12/09/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 126/2008/TT-BTC và Thông tư số 103/2009/TT-BTC | | | | Được thay thế bởi Thông tư số 04/2021/TT-BTC ngày 15/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới (theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2021/TT-BTC) | | 01/03/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 116/2014/TT-BTC | | | | | | 20/08/2014 | Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20/08/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề về tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 07 năm 2014 về một số chính sách phát triển thủy sản | | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 89/2020/TT-BTC ngày 11/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 05 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 06 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công tư đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, Thông tư số 195/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đánh giá, xếp loại doanh nghiệp bảo hiểm, Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 08 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 07 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, bãi bỏ Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 07 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và Thông tư số 43/2016/TT-BTC ngày 03 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Điều 5 Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 08 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 07 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 130/2015/TT-BTC | | | | | | 25/08/2015 | Thông tư 130/2015/TT-BTC ngày 25/08/2015 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 115/2013/TT-BTC ngày 20/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn bảo hiểm hưu trí và quỹ hưu trí tự nguyện | | | | Được thay thế theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 62 Thông tư số 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm | | 02/11/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 22/2016/TT-BTC | | | | | | 16/02/2016 | Thông tư số 22/2016/TT-BTC ngày 16/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quy tắc, điều khoản, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới | | | | Được thay thế bởi Thông tư số 04/2021/TT-BTC ngày 15/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 03/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới (theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 04/2021/TT-BTC) | | 01/03/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 43/2016/TT-BTC | | | | | | 03/03/2016 | Thông tư số 43/2016/TT-BTC ngày 03/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi Điều 5 Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 07 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản | | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 89/2020/TT-BTC ngày 11/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 05 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Thông tư số 105/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 06 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công tư đầu tư chứng khoán và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, Thông tư số 195/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn đánh giá, xếp loại doanh nghiệp bảo hiểm, Thông tư số 115/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 08 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách bảo hiểm quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 07 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, bãi bỏ Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 07 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản và Thông tư số 43/2016/TT-BTC ngày 03 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Điều 5 Thông tư số 116/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 08 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số vấn đề tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 07 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 329/2016/TT-BTC | | | | | | 26/12/2016 | Thông tư số 329/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng | | | | Được thay thế bởi Thông tư số 50/2022/TT-BTC ngày 11/08/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng và Nghị định số 20/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Thông tư số 50/2022/TT-BTC) | | 01/10/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 125/2018/TT-BTC | | | | | | 24/12/2018 | Thông tư số 125/2018/TT-BTC ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm | | | | Được thay thế bởi Thông tư số 69/2022/TT-BTC ngày 16/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm (theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 69/2022/TT-BTC) | | 01/01/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 65/2019/TT-BTC | | | | | | 16/09/2019 | Thông tư số 65/2019/TT-BTC ngày 16/09/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nội dung đào tạo, thi, cấp và công nhận chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm | | | | Được thay thế bởi Thông tư số 69/2022/TT-BTC ngày 16/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ về phụ trợ bảo hiểm (theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư số 69/2022/TT-BTC) | | 01/01/2023 | | | |  | | |
| **QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Quyết định | 99/2005/QĐ-BTC | | | | | | 22/12/2005 | Quyết định số 99/2005/QĐ-BTC ngày 22/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy tắc, biểu phí và mức trách nhiệm bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của người kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa dễ cháy và dễ nổ trên đường thủy nội địa | | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 28/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực chứng khoán, kinh doanh bảo hiểm và tài chính ngân hàng | | 02/06/2020 | | | |  | | |
| **LĨNH VỰC QUẢN LÝ GIÁ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư | 55/2011/TT-BTC | | | | | | 29/04/2011 | Thông tư số 55/2011/TT-BTC ngày 29/4/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ báo cáo giá thị trường hàng hóa, dịch vụ trong nước, giá hàng hóa nhập khẩu | | | Được thay thế bởi Thông tư số 116/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chế độ báo cáo giá thị trường (theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 116/2018/TT-BTC). | | | 01/02/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 89/2011/TT-BTC | | | | | | 17/06/2011 | Thông tư số 89/2011/TT-BTC ngày 17/06/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phương pháp xác định giá sàn gạo xuất khẩu | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/05/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 88/2012/TT-BTC | | | | | | 28/05/2012 | Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/05/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt | | | Được thay thế bởi Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt (theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 44/2021/TT-BTC) | | | 05/08/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 198/2014/TT-BTC | | | | | | 18/12/2014 | Thông tư số 198/2014/TT-BTC ngày 18/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp tính giá thành cá tra nguyên liệu | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/05/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 241/2016/TT-BTC | | | | | | 11/11/2016 | [Thông](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [tư số](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) 241/2016/TT-[BTC ngày 11/11/2016 của](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [Bộ Tài](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [chính quy định](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [giá dịch](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [vụ](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [trong](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [lĩnh](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [vực chứng](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [khoán áp dụng](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [tại Sở](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [giao](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [dịch chứng](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [khoán](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [và](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [Trung](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [tâm](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [lưu](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [ký](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) [chứng khoán Việt Nam](https://luatvietnam.vn/chung-khoan/thong-tu-241-2016-tt-btc-bo-tai-chinh-112111-d1.html%23noidung) | | | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 127/2018/TT- BTC ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam | | | 15/02/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 242/2016/TT-BTC | | | | | | 11/11/2016 | Thông tư số 242/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam | | | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 128/2018/TT- BTC ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam | | | 15/02/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 122/2017/TT-BTC | | | | | | 15/11/2017 | Thông tư số 122/2017/TT-BTC ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 28/2021/TT-BTC ngày 27/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12 | | | 01/07/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 43/2018/TT-BTC | | | | | | 07/05/2018 | Thông tư số 43/2018/TT-BTC ngày 07/05/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/03/2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự | | | Được thay thế bởi Thông tư số 30/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng Định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Nghị định số 97/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2018/NĐ-CP (theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 30/2020/TT-BTC) | | | 01/06/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 127/2018/TT-BTC | | | | | | 27/12/2018 | Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam | | | Được thay thế bởi Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 101/2021/TT-BTC) | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 128/2018/TT-BTC | | | | | | 27/12/2018 | Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam | | | Được thay thế bởi Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam (theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 102/2021/TT-BTC) | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 14/2020/TT-BTC | | | | | | 18/03/2020 | Thông tư số 14/2020/TT-BTC ngày 18/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân liên quan chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 | | | Được thay thế bởi Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 101/2021/TT-BTC) | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 70/2020/TT-BTC | | | | | | 17/07/2020 | Thông tư số 70/2020/TT-BTC ngày 17/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính kéo dài hiệu lực thi hành Thông tư số 14/2020/TT-BTC ngày 18 tháng 03 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân liên quan chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 | | | Được thay thế bởi Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 101/2021/TT-BTC) | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 30/2021/TT-BTC | | | | | | 14/05/2021 | Thông tư số 30/2021/TT-BTC ngày 14/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính kéo dài hiệu lực thi hành Thông tư số 14/2020/TT-BTC ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân liên quan chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 | | | Được thay thế bởi Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch chứng khoán và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 101/2021/TT-BTC) | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 75/2012/TTLT-  BTC-BXD-  BNNPTNT | | | | | | 15/05/2012 | Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn | | | Được thay thế bởi Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt (theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 44/2021/TT-BTC) | | | 05/08/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 128/2008/QĐ-BTC | | | | | | 31/12/2008 | Quyết định số 128/2008/QĐ-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định 13/2006/QĐ-BTC ngày 13/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giá một số dịch vụ chuyên ngành hàng không | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/05/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 75/2011/TTLT- BTC-BGTVT | | | | | | 06/06/2011 | Thông tư liên tịch số 75/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 06/6/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn lập và quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý, bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước | | | Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 39/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn phương pháp xây dựng phương án giá, quản lý giá dịch vụ sự nghiệp công quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và dịch vụ vận hành khai thác bến phà đường bộ trên hệ thống quốc lộ sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách trung ương khi thực hiện phương thức đặt hàng | | | 15/02/2021 | | | |  | | |
| **LĨNH VỰC NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **NGHỊ QUYẾT ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Nghị quyết | 266/2016/ UBTVQH14 | | | | | | 04/10/2016 | Nghị quyết số 266/2016/UBTVQH14 ngày 04/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2017 | | | Hết hiệu lực do hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (Điều 7 Nghị quyết số 266/2016/UBTVQH14 quy định: “Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ năm ngân sách 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.”) | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
| **NGHỊ ĐỊNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Quyết định | 153-HĐBT | | | | | | 13/12/1983 | Quyết định số 153-HĐBT ngày 13/12/1983 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập Ủy ban Vận động mua công trái | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 110/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 159-HĐBT | | | | | | 30/10/1987 | Quyết định số 159-HĐBT ngày 30/10/1987 của Hội đồng Bộ trưởng về thành phần Ủy ban trung ương Vận động mua công trái xây dựng Tổ quốc | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 110/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ | | | 30/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 204/2013/NĐ-CP | | | | | | 05/12/2013 | Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 05/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách nhà nước năm 2013, 2014 | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 35 Điều 1 Nghị định số 05/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
| **QUYẾT ĐỊNH, CHỈ THỊ CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Quyết định | 01/2016/QĐ-TTg | | | | | | 19/01/2016 | Quyết định số 01/2016/QĐ-TTg ngày 19/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, quy trình hỗ trợ kinh phí cho các địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/07/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều | | | 20/8/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 37/2019/QĐ-TTg | | | | | | 27/12/2019 | Quyết định số 37/2019/QĐ-TTg ngày 27/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 01/2016/QĐ-TTg ngày 19/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, quy trình hỗ trợ kinh phí cho các địa phương để khắc phục hậu quả thiên tai | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/07/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều | | | 20/8/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 46/2016/QĐ-TTg | | | | | | 19/10/2016 | Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 | | | Chỉ áp dụng cho năm ngân sách 2017 | | | 31/12/2017 | | | |  | | |
|  |  | | Chỉ thị | [33/2008/CT-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/ke-toan-kiem-toan/chi-thi-33-2008-ct-ttg-thuc-hien-nghiem-chinh-sach-tai-khoa-ket-luan-kien-nghi-co-quan-kiem-toan-thanh-tra-81818.aspx) | | | | | | 20/11/2008 | Chỉ thị số [33/2008/CT-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/ke-toan-kiem-toan/chi-thi-33-2008-ct-ttg-thuc-hien-nghiem-chinh-sach-tai-khoa-ket-luan-kien-nghi-co-quan-kiem-toan-thanh-tra-81818.aspx) ngày 20 tháng 11 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện nghiêm các chính sách tài khóa và thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra. | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 27 Điều 1 Quyết định số 32/2023/QĐ-TTg ngày 21/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ. | | | 21/12/2023 | | | |  | | |
| **THÔNG TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư | 51/2004/TT-BTC | | | | | | 09/6/2004 | Thông tư số 51/2004/TT-BTC ngày 09/06/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 123/2004/NĐ-CP ngày 18/05/2004 của Chính phủ về một số cơ chế tài chính ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 38/2020/TT-BTC ngày 12/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực kho bạch nhà nước và ngân sách nhà nước | | | 26/6/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 37/2008/TT-BTC | | | | | | 19/5/2008 | Thông tư số 37/2008/TT-BTC ngày 19/05/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chính sách hỗ trợ dầu hỏa thắp sáng cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách và hộ nghèo ở những nơi chưa có điện lưới | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 38/2020/TT-BTC ngày 12/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực kho bạch nhà nước và ngân sách nhà nước | | | 16/6/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 52/2008/TT-BTC | | | | | | 16/6/2008 | Thông tư số 52/2008/TT-BTC ngày 16/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 37/2008/TT-BTC ngày 19/05/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chính sách hỗ trợ dầu hỏa thắp sáng cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách và hộ nghèo ở những nơi chưa có điện lưới | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 38/2020/TT-BTC ngày 12/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực kho bạch nhà nước và ngân sách nhà nước | | | 26/6/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 63/2009/TT-BTC | | | | | | 27/3/2009 | Thông tư số 63/2009/TT-BTC ngày 27/03/2009 của Bộ Tài chính quy định về công tác lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán ngân sách huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 38/2020/TT-BTC ngày 12/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực kho bạc nhà nước và ngân sách nhà nước | | | 26/6/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 53/2010/TT-BTC | | | | | | 14/4/2010 | Thông tư số 53/2010/TT-BTC ngày 14/04/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính để thực hiện phòng, trừ bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và bệnh lùn sọc đen hại lúa | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư số 38/2020/TT-BTC ngày 12/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực kho bạch nhà nước và ngân sách nhà nước | | | 26/6/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 205/2012/TT-BTC | | | | | | 23/11/2012 | Thông tư số 205/2012/TT-BTC ngày 23/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/05/2012 của Chính phủ về quản lý sử dụng đất trồng lúa | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 2 Thông tư số 38/2020/TT-BTC ngày 12/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực kho bạch nhà nước và ngân sách nhà nước | | | 26/6/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 319/2016/TT-BTC | | | | | | 13/12/2016 | Thông tư số 319/2016/TT-BTC ngày 13/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc xử lý chuyển nguồn ngân sách nhà nước năm 2016 sang năm 2017 | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Thông tư số 38/2020/TT-BTC ngày 12/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực kho bạch nhà nước và ngân sách nhà nước | | | 26/6/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 68/2018/TT-BTC | | | | | | 06/8/2018 | Thông tư số 68/2018/TT-BTC ngày 06/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2018 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 88/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23/07/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 05 năm 2019 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20 tháng 05 năm 2019 của Chính phủ | | | 06/9/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 46/2019/TT-BTC | | | | | | 23/7/2019 | Thông tư số 46/2019/TT-BTC ngày 23/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/5/2019 | | | được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 22/6/2023 | | | 31/8/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 42/2004/QĐ-BTC | | | | | | 22/4/2004 | Quyết định số 42/2004/QĐ-BTC ngày 22/04/2004 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định về chi ngân sách trung ương bằng hình thức lệnh chi tiền | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 38/2020/TT-BTC ngày 12/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực kho bạch nhà nước và ngân sách nhà nước | | | 26/6/2020 | | | |  | | |
| **LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **NGHỊ ĐỊNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Nghị định | 85/2012/NĐ-CP | | | | | | 15/10/2012 | Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 41 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài cính của đơn vị sự nghiệp công lập | | | 15/8/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 16/2015/NĐ-CP | | | | | | 14/02/2015 | Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 41 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài cính của đơn vị sự nghiệp công lập | | | 15/8/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 54/2016/NĐ-CP | | | | | | 14/6/2016 | Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/06/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 41 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài cính của đơn vị sự nghiệp công lập | | | 15/8/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 141/2016/NĐ-CP | | | | | | 10/10/2016 | Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 41 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài cính của đơn vị sự nghiệp công lập | | | 15/8/2021 | | | |  | | |
| **QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Quyết định | [60/2007/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/quyet-dinh-60-2007-qd-ttg-thanh-lap-quy-ho-tro-nguoi-nhiem-hiv-aids-19494.aspx) | | | | | | 07/5/2007 | Quyết định số [60/2007/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/quyet-dinh-60-2007-qd-ttg-thanh-lap-quy-ho-tro-nguoi-nhiem-hiv-aids-19494.aspx) ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS. | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Quyết định số 32/2023/QĐ-TTg ngày 21/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ toàn bộ hoặc một phần một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ. | | | 21/12/2023 | | | |  | | |
| **THÔNG TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư | 29/2000/TT-BTC | | | | | | 4/24/2000 | Thông tư số 29/2000/TT-BTC ngày 24/04/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý Quỹ tạm giữ của ngân sách nhà nước tại các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 07/2020/TT-BTC ngày 03/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với cơ quan Việt Nam ở nước ngoài | | | 20/3/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 71/2006/TT-BTC | | | | | | 09/8/2006 | Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập | | | 01/11/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 133/2008/TT-BTC | | | | | | 31/12/2008 | Thông tư số 133/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn suất chi đào tạo cho lưu học sinh nước ngoài (diện Hiệp định) đang học tập tại các trường đại học của Việt Nam | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 55/2020/TT-BTC ngày 12/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí đào tạo lưu học sinh nước ngoài diện Hiệp định học tập tại Việt Nam | | | 30/7/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 141/2009/TT-BTC | | | | | | 13/7/2009 | Thông tư số 141/2009/TT-BTC ngày 13/07/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính thực hiện Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước" | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 14 Thông tư số 42/2023/TT-BTC ngày 12/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế tài chính thực hiện bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý bằng ngân sách nhà nước | | | 12/6/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 30/2010/TT-BTC | | | | | | 05/3/2010 | Thông tư số 30/2010/TT-BTC ngày 05/03/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính đối với nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực đường bộ, đường thuỷ nội địa | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 103/2010/TT-BTC | | | | | | 19/7/2010 | Thông tư số 103/2010/TT-BTC ngày 19/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 141/2009/TT-BTC ngày 13/07/2009 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính thực hiện Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng Ngân sách Nhà nước” | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Thông tư số 42/2023/TT-BTC ngày 12/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế tài chính thực hiện bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý bằng ngân sách nhà nước | | | 12/6/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 223/2010/TT-BTC | | | | | | 31/12/2010 | Thông tư số 223/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 21/2011/TT-BTC | | | | | | 18/2/2011 | Thông tư số 21/2011/TT-BTC ngày 18/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi | | | Được thay thế bởi Thông tư số 96/2018/TT- BTC ngày 18/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương, khen thưởng người cao tuổi theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 96/2018/TT- BTC | | | 01/01/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 71/2011/TT-BTC | | | | | | 24/5/2011 | Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24/05/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/04/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 168/2012/TT-BTC | | | | | | 11/10/2012 | Thông tư 168/2012/TT-BTC ngày 11/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 103/2010/TT-BTC ngày 19/07/2010 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư 141/2009/TT- BTC ngày 13/07/2009 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính thực hiện Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước" | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Thông tư số 42/2023/TT-BTC ngày 12/06/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cơ chế tài chính thực hiện bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý bằng ngân sách nhà nước | | | 12/6/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 172/2012/TT-BTC | | | | | | 22/10/2012 | Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo công tác cải cách hành chính nhà nước | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10/05/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước | | | 01/7/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 174/2012/TT-BTC | | | | | | 22/10/2012 | Thông tư số 174/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính đối với Quỹ trợ giúp pháp lý Việt Nam | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 92/2013/TT-BTC | | | | | | 08/7/2013 | Thông tư số 92/2013/TT-BTC ngày 08/07/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính Quỹ Bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 110/2021/TT-BTC ngày 10/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo hộ công dân và pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài | | | 26/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 146/2013/TT-BTC | | | | | | 22/10/2013 | Thông tư số 146/2013/TT-BTC ngày 22/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính đối với các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 07/2020/TT-BTC ngày 03/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với cơ quan Việt Nam ở nước ngoài | | | 20/3/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 193/2014/TT-BTC | | | | | | 12/12/2014 | Thông tư số 193/2014/TT-BTC ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 82/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn | | | 15/02/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 148/2015/TT-BTC | | | | | | 15/9/2015 | Thông tư số 148/2015/TT-BTC ngày 15/09/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án xác định hài cốt liệt sỹ còn thiếu thông tin | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động Thương binh và Xã hội quản lý | | | 05/9/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 165/2015/TT-BTC | | | | | | 05/11/2015 | Thông tư số 165/2015/TT-BTC ngày 05/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát trang phục và chế độ ưu tiên đối với Kiểm toán Nhà nước, trích lập và sử dụng nguồn kinh phí được trích 5% trên số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước do Kiểm toán Nhà nước phát hiện và kiến nghị | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 16/2019/TT-BTC ngày 18/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí được trích để thực hiện chế độ ưu tiên đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Kiểm toán Nhà nước | | | 10/05/2019 và áp dụng từ năm ngân sách 2017 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 166/2015/TT-BTC | | | | | | 05/11/2015 | Thông tư số 166/2015/TT-BTC ngày 05/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện dự án Đào tạo ngắn hạn về an toàn, an ninh thông tin trong nước thuộc Đề án đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 95/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025” | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 06/2016/TT-BTC | | | | | | 14/01/2016 | Thông tư số 06/2016/TT-BTC ngày 14/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 309/2016/TT-BTC | | | | | | 15/11/2016 | Thông tư số 309/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 146/2013/TT-BTC ngày 22/10/2013 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính đối với các cơ quan Việt Nam ở nước ngoài | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 07/2020/TT-BTC ngày 03/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính, tài sản đối với cơ quan Việt Nam ở nước ngoài | | | 20/3/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 15/2017/TT-BTC | | | | | | 15/2/2017 | Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 | | | 01/8/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 42/2017/TT-BTC | | | | | | 28/4/2017 | Thông tư số 42/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật, báo chí ở Trung ương và các Hội văn học nghệ thuật địa phương, hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao ở các Hội Nhà báo địa phương giai đoạn 2016 - 2020 | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 22/2023/TT-BTC ngày 14/04/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 42/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2017 hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước cho hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật, báo chí ở Trung ương và các Hội Văn học nghệ thuật địa phương, hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao ở các Hội Nhà báo địa phương giai đoạn 2016 - 2020 | | | 01/6/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 43/2017/TT-BTC | | | | | | 21/5/2017 | Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 21/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/08/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 | | | 15/8/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 90/2017/TT-BTC | | | | | | 30/8/2017 | Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/08/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập | | | 01/11/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 92/2017/TT-BTC | | | | | | 18/9/2017 | Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công | | | 15/9/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 98/2017/TT-BTC | | | | | | 29/9/2017 | Thông tư số 98/2017/TT-BTC ngày 29/9/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020 | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư 46/2023/TT-BTC ngày 11/7/2023 của Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư 98/2017/TT-BTC ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020 | | | 01/9/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 99/2017/TT-BTC | | | | | | 29/9/2017 | Thông tư số 99/2017/TT-BTC ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2017-2018 | | | Được thay thế bởi Thông tư số 73/2019/TT-BTC ngày 21/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chi cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2019 – 2021 (theo quy định tại khoản 2 Điều 7) | | | 09/12/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 103/2017/TT-BTC | | | | | | 05/10/2017 | Thông tư số 103/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 | | | 01/8/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 117/2017/TT-BTC | | | | | | 06/11/2017 | Thông tư số 117/2017/TT-BTC ngày 06/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức cai nghiện ma tuý bắt buộc tại cộng đồng | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy | | | 19/11/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 145/2017/TT-BTC | | | | | | 29/12/2017 | Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 21 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập | | | 01/11/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 07/2018/TT-BTC | | | | | | 24/01/2018 | Thông tư số 07/2018/TT-BTC ngày 24/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020” | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 17/2022/TT-BTC ngày 08/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021- 2030” | | | 25/4/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 13/2018/TT-BTC | | | | | | 06/2/2018 | Thông tư số 13/2018/TT-BTC ngày 06/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế | | | 05/9/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 26/2018/TT-BTC | | | | | | 21/3/2018 | Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại Điều 1 - Thông tư số 58/2023/TT-BTC ngày 21/8/2023 bãi bỏ Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 | | | 10/10/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 61/2018/TT-BTC | | | | | | 26/7/2018 | Thông tư số 61/2018/TT-BTC ngày 26/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với Huấn luyện viên thể thao thành tích cao, Vận động viên thể thao thành tích cao | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 62/2018/TT-BTC | | | | | | 30/7/2018 | Thông tư số 62/2018/TT-BTC ngày 30/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 - 2020 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/04/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 | | | 01/6/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 101/2018/TT-BTC | | | | | | 14/11/2018 | Thông tư số 101/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành lao động thương binh và xã hội quản lý | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21/07/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động Thương binh và Xã hội quản lý | | | 05/9/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 124/2018/TT-BTC | | | | | | 20/12/2018 | Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy | | | 19/11/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 08/2019/TT-BTC | | | | | | 30/01/2019 | Thông tư số 08/2019/TT-BTC ngày 30/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 43/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/08/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 | | | 15/8/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 14/2019/TT-BTC | | | | | | 15/3/2019 | Thông tư số 14/2019/TT-BTC ngày 15/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 | | | 25/10/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 73/2019/TT-BTC | | | | | | 21/10/2019 | Thông tư số 73/2019/TT-BTC ngày 21/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách cấp một số ấn phẩm báo, tạp chi cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2019 - 2021 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 | | | 01/5/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 15/2022/TT-BTC | | | | | | 04/3/2022 | Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 03 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 125 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 | | | 15/8/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 46/2022/TT-BTC | | | | | | 28/7/2022 | Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 125 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 | | | 15/8/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 53/2022/TT-BTC | | | | | | 12/8/2022 | Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 125 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 | | | 15/8/2023 | | | |  | | |
| **THÔNG TƯ LIÊN TỊCH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 101/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL | | | | | | 30/7/2014 | Thông tư liên tịch số 101/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/7/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình Hành động quốc gia về Du lịch giai đoạn 2013-2020 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 12/2022/TT-BTC ngày 22/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ xúc tiến, quảng bá và hỗ trợ phát triển du lịch của Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch | | | 09/4/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 102/2016/TTLT-BTC-BGTVT | | | | | | 29/6/2016 | Thông tư liên tịch số 102/2016/TTLT-BTC-BGTVT ngày 29/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp đường thủy nội địa | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 113/2020/TT-BTC ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên hoạt động kinh tế giao thông đường thủy nội địa | | | 15/02/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 104/2007/TTLT-BTC-BVHTTDL | | | | | | 30/8/2007 | Thông tư liên tịch số 104/2007/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn một số nội dung chi, mức chi cho công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ nguồn ngân sách nhà nước | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 67/2019/TT-BTC ngày 23/09/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ nguồn ngân sách nhà nước | | | 08/11/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 105/2013/TTLT-BTC-BGDĐT | | | | | | 06/8/2013 | Thông tư liên tịch số 105/2013/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 06/08/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với kỳ thi Olympic Hóa học Quốc tế lần thứ 46 năm 2014 tại Việt Nam | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 119/2002/TTLT-BTC-BYT | | | | | | 27/12/2002 | Thông tư liên tịch số 119/2002/TTLT-BTC-BYT ngày 27/12/2002 của Bộ Tài chính và Bộ Y tế hướng dẫn nội dung thu, chi và mức chi thường xuyên của Trạm y tế xã | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 73/2021/TT-BTC ngày 25/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư liên tịch số 119/2002/TTLT-BTC-BYT ngày 27/12/2002 của Bộ Tài chính và Bộ Y tế hướng dẫn nội dung thu, chi và mức chi thường xuyên của Trạm y tế xã | | | 11/10/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 12/2014/TTLT-BTC-BNNPTNT | | | | | | 24/01/2014 | Thông tư liên tịch số 12/2014/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 24/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện dự án “Tổng điều tra, kiểm kê rừng toàn quốc giai đoạn 2013-2016” | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH | | | | | | 12/8/2010 | Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12/08/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma tuý tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma tuý tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy | | | 19/11/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 122/2011/TTLT-BTC-BTP | | | | | | 17/8/2011 | Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17/08/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra. xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật | | | 01/4/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 14/2014/TTLT-BTC-BTP | | | | | | 27/01/2014 | Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/1/2014 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 56/2023/TTBTC ngày 18/8/2023 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở | | | 06/10/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 100/2014/TTLT-BTC-BTP | | | | | | 30/7/2014 | Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở. | | | 06/10/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 125/2014/TTLT-BTC-BGDĐT | | | | | | 27/8/2014 | Thông tư liên tịch số 125/2014/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 27/08/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục đào tạo hướng dẫn nội dung, mức chi cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và thường xuyên | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 56/2021/TT-BTC ngày 12/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung chi, mức chi cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục thường xuyên | | | 01/9/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 129/2014/TTLT-BTC-BNV | | | | | | 05/9/2014 | Thông tư liên tịch số 129/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện Đề án “Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm của Việt Nam và về Việt Nam” | | | Thông tư số 28/2022/TT-BTC ngày 17/05/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư liên tịch số 129/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ quy định việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện Đề án "Sưu tầm tài liệu lưu trữ quý, hiếm của Việt Nam và về Việt Nam” | | | 10/7/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH | | | | | | 25/9/2013 | Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 25/09/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhận và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người | | | 01/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 145/2009/TTLT-BTC-BKHCN | | | | | | 17/7/2009 | Thông tư liên tịch số 145/2009/TTLT-BTC-BKHCN ngày 17/7/2009 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 27/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí xây dựng tiêu chuẩn quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật | | | 05/6/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 145/2014/TTLT-BTC-BTTTT | | | | | | 03/10/2014 | Thông tư liên tịch số 145/2014/TTLT-BTC-BTTTT ngày 03/10/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án thông tin, tuyên truyền về số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 01/2023/TT-BTC ngày 04/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư liên tịch số 145/2014/TTLT-BTC-BTTTT ngày 03 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án thông tin, tuyên truyền về số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất | | | 20/02/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH | | | | | | 08/10/2014 | Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 08/10/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy | | | 19/11/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 157/2010/TTLT-BTC-BTP | | | | | | 12/10/2010 | Thông tư liên tịch số 157/2010/TTLT-BTC-BTP ngày 12/10/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 64/2021/TT-BTC ngày 29/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa | | | 01/10/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 163/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL | | | | | | 12/11/2014 | Thông tư liên tịch số 163/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 12/11/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính chương trình Xúc tiến du lịch quốc gia giai đoạn 2013-2020 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 12/2022/TT-BTC ngày 22/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ xúc tiến, quảng bá và hỗ trợ phát triển du lục của Quỹ Hỗ trợ phát triển du lịch | | | 09/4/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 168/2013/TTLT-BTC-BCA | | | | | | 15/11/2013 | Thông tư liên tịch số 168/2013/TTLT-BTC-BCA ngày 15/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quyết định số 47/2012/QĐ-TTg ngày 01/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 61/2019/TT-BTC ngày 03/09/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng Quỹ Phòng, chống tội phạm trung ương theo quy định tại Quyết định số 04/2019/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Phòng, chống tội phạm | | | 21/9/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 18/2012/TTLT-BTC-BTTTT | | | | | | 14/2/2012 | Thông tư liên tịch số 18/2012/TTLT-BTC-BTTTT ngày 14/02/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao ở Trung ương và địa phương giai đoạn 2011-2015 | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 183/2010/TTLT-BTC-BNN | | | | | | 15/11/2010 | Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông | | | Được thay thế bởi Thông tư số 75/2019-TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông (theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 75/2019-TT-BTC) | | | 01/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 209/2012/TTLT-BTC-BTP | | | | | | 30/11/2012 | Thông tư liên tịch số 209/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan, tổ chức trợ giúp pháp lý nhà nước | | | Được thay thế bởi Thông tư số 59/2020/TT-BTC ngày 18/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động trợ giúp pháp lý (theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 59/2020/TT-BTC) | | | 01/9/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN | | | | | | 20/12/2012 | Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20/12/2012 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 64/2023/TT-BTC ngày 31/10/2023 ủa Bộ Tài chính bãi bỏ các Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2011-2020 và Thông tư liên tịch 207/2013/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/12/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính các Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015 | | | 18/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 219/2012/TTLT-BTC-BKHCN | | | | | | 20/12/2012 | Thông tư liên tịch số 219/2012/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20/12/2012 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 64/2023/TT-BTC ngày 31/10/2023 ủa Bộ Tài chính bãi bỏ các Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2011-2020 và Thông tư liên tịch 207/2013/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/12/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính các Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015 | | | 18/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 225/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT | | | | | | 26/12/2012 | Thông tư liên tịch số 225/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 26/12/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giao đoạn 2012 - 2015 | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 29/2023/TT-BTC ngày 17/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư liên tịch số 225/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giao đoạn 2012 - 2015 | | | 10/7/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 43/2007/TTLT-BTC-BGDĐT | | | | | | 02/5/2007 | Thông tư liên tịch số 43/2007/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 02/5/2007 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư 45/2023/TT-BTC ngày 07/7/2023 của Bộ Tài chính bãi bỏ các Thông tư liên tịch số 43/2007/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 02/5/2007 của Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập, Thông tư liên tịch 40/2013/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 10/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo giai đoạn 2012 - 2015 | | | 23/8/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 48/2009/TTLT-BTC-BNNPTNT | | | | | | 12/3/2009 | Thông tư liên tịch số 48/2009/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 12/03/2009 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp kinh tế duy tu, bảo dưỡng đê điều | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 68/2020/TT-BTC ngày 15/07/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí chi thường xuyên thực hiện duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý cấp bách sự cố đê điều | | | 01/9/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 48/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH | | | | | | 26/4/2013 | Thông tư liên tịch số 48/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 26/04/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động thương binh và xã hội quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2012-2020 | | | Hết hiệu lực theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Thông tư số 03/2022/TT-BTC ngày 12/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình phát triển công tác xã hội, trợ giúp người khuyết tật, trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2030 | | | 01/3/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 59/2015/TTLT-BTC-BKHCN | | | | | | 25/4/2015 | Thông tư liên tịch số 59/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/4/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý tài chính thực hiện chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 64/2023/TT-BTC ngày 31/1/2023 của Bộ Tài chính bãi bỏ các Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2011-2020 và Thông tư liên tịch số 207/2013/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/12/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính các Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015 | | | 18/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 62/2005/TTLT-BTC-BNN | | | | | | 04/8/2005 | Thông tư liên tịch 62/2005/TTLT-BTC-BNN ngày 04/8/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng | | | Được bãi bỏ theo quy định khoản 2 Điều 90 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp | | | 01/01/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT | | | | | | 26/4/2012 | Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26/04/2012 của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông | | | 01/10/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 79/2014/TTLT-BTC-BKHCN | | | | | | 18/6/2014 | Thông tư liên tịch số 79/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 64/2023/TT-BTC ngày 31/1//2023 của Bộ Tài chính bãi bỏ các Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2011-2020 và Thông tư liên tịch 207/2013/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/12/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính các Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015 | | | 18/12/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 207/2013/TTLT-BTC-BKHCN | | | | | | 25/12/2013 | Thông tư liên tịch số 207/2013/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/12/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015 | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 64/2023/TT-BTC ngày 31/1//2023 của Bộ Tài chính bãi bỏ các Thông tư liên tịch của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2011-2020 và Thông tư liên tịch 207/2013/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25/12/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý tài chính các Chương trình Khoa học và Công nghệ trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015 | | | 18/12/2023 | | | |  | | |
| **LĨNH VỰC ĐẦU TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **NGHỊ ĐỊNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Nghị định | 06/2015/NĐ-CP | | | | | | 13/01/2015 | Nghị định số 06/2015/NĐ-CP ngày 13/01/2015 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | | | Được thay thế theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 36/2021/NĐ-CP ngày 29/03/2021 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | | | 15/5/2021 | | | |  | | |
| **THÔNG TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư | 163/2007/TT-BTC | | | | | | 31/12/2007 | Thông tư số 163/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về khen thưởng thi đua trên công trường xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 174/2009/TT-BTC | | | | | | 08/9/2009 | Thông tư số 174/2009/TT-BTC ngày 08/09/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá” | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 241/2009/TT-BTC | | | | | | 29/12/2009 | Thông tư số 241/2009/TT-BTC ngày 29/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, thanh toán vốn đầu tư Dự án mở rộng và hoàn thiện đường Láng - Hòa Lạc | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 72/2010/TT-BTC | | | | | | 11/5/2010 | Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế đặc thù về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án "Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa" | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 157/2012/TT-BTC | | | | | | 27/9/2012 | Thông tư số 157/2012/TT-BTC ngày 27/09/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khen thưởng thi đua trên công trường xây dựng Thủy điện Lai Châu | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 85/2014/TT-BTC | | | | | | 30/6/2014S | Thông tư số 85/2014/TT-BTC ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 09/2016/TT-BTC | | | | | | 18/01/2016 | Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước | | | 10/4/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 349/2016/TT-BTC | | | | | | 30/12/2016 | Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 6 Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 72/2017/TT-BTC | | | | | | 17/7/2017 | Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/07/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 108/2021/TT-BTC ngày 08/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công | | | 24/1/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 82/2017/TT-BTC | | | | | | 15/8/2017 | Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công | | | Được thay thế theo quy định Điều 9 Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công | | | 05/4/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 85/2017/TT-BTC | | | | | | 15/8/2017 | Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hằng năm | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 64/2018/TT-BTC | | | | | | 30/7/2018 | Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước | | | 10/4/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 06/2019/TT-BTC | | | | | | 28/01/2019 | Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngần sách nhà nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư số 108/2021/TT-BTC ngày 08/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn đầu tư công | | | 24/1/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 10/2020/TT-BTC | | | | | | 20/2/2020 | Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán | | | 01/01/2022 | | | |  | | |
| **LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **NGHỊ ĐỊNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Nghị định | 04/2019/NĐ-CP | | | | | | 11/01/2019 | Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô | | | 10/11/2023 | | | |  | | |
| **QUYẾT ĐỊNH, CHỈ THỊ CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Quyết định | 105/2000/QĐ-TTg | | | | | | 25/8/2000 | Quyết định số 105/2000/QĐ-TTg ngày 25/08/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn nộp nợ thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế nhà, đất | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Quyết định số 35/2021/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ | | | 01/12/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 216/2005/QĐ-TTg | | | | | | 31/8/2005 | Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31/08/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Quyết định số 35/2021/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ | | | 01/12/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 115/2008/QĐ-TTg | | | | | | 27/8/2008 | Quyết định số 115/2008/QĐ-TTg ngày 27/08/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định về công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 62/2009/QĐ-TTg | | | | | | 20/4/2009 | Quyết định số 62/2009/QĐ-TTg ngày 20/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về miễn tiền thuê đất để xây dựng tạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách công cộng | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Quyết định số 25/2022/QĐ-TTg ngày 12/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật của Thủ tướng Chính phủ | | | 12/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 55/2012/QĐ-TTg | | | | | | 19/12/2012 | Quyết định số 55/2012/QĐ-TTg ngày 19/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 62/2009/QĐ-TTg ngày 20 tháng 04 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn tiền thuê đất để xây dựng trạm bảo dưỡng, sửa chữa, bãi đỗ xe của doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách công cộng | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 57 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 56/2014/QĐ-TTg | | | | | | 06/10/2014 | Quyết định số 56/2014/QĐ-TTg ngày 06/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý, sử dụng nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước phục vụ hoạt động đối ngoại của Nhà nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 90/2022/NĐ-CP ngày 28/10/2022 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nhà, đất do Bộ Ngoại giao quản lý để phục vụ hoạt động đối ngoại của Nhà nước | | | 15/12/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Chỉ thị | 43/2004/CT-TTg | | | | | | 03/12/2004 | Chỉ thị số 43/2004/CT-TTg ngày 03/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển giao nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 65 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
| **THÔNG TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư | 35/2001/TT-BTC | | | | | | 25/5/2001 | Thông tư số 35/2001/TT-BTC ngày 25/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc nộp tiền thuê đất, góp vốn liên doanh bằng giá trị quyền sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 41/2003/TT-BTC | | | | | | 06/5/2003 | Thông tư số 41/2003/TT-BTC ngày 06/05/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Điều 5 Quyết định số 132/2002/QĐ-TTg ngày 08/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải quyết đất sản xuất và đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở Tây Nguyên | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 83/2004/TT-BTC | | | | | | 17/8/2004 | Thông tư số 83/2004/TT-BTC ngày 17/08/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung quản lý trụ sở làm việc của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 29/2006/TT-BTC | | | | | | 4/4/2006 | Thông tư số 29/2006/TT-BTC ngày 04/04/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 13/2006/NĐ-CP ngày 24/01/2006 về xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 192/2009/TT-BTC | | | | | | 01/10/2009 | Thông tư số 192/2009/TT-BTC ngày 01/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thí điểm việc nộp tiền sử dụng đất đối với dự án khu đô thị mới, dự án nhà ở, dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp tại Nghị quyết số 33/2008/NQ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 18/2013/TT-BTC | | | | | | 20/2/2013 | Thông tư số 18/2013/TT-BTC ngày 20/02/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục thanh lý rừng trồng và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý rừng trồng không thành rừng, rừng trồng không có khả năng thành rừng | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 110/2020/TT-BTC ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 18/2013/TT-BTC ngày 20/02/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục thanh lý rừng trồng và quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý rừng trồng không thành rừng, rừng trồng không có khả năng thành rừng | | | 15/2/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 54/2013/TT-BTC | | | | | | 04/5/2013 | Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/05/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch | | | 01/02/2023 và được áp dụng từ năm tài chính 2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 178/2013/TT-BTC | | | | | | 02/12/2013 | Thông tư số 178/2013/TT-BTC ngày 02/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 35/2022/TT-BTC ngày 16/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là tài sản cố định | | | 30/7/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 07/2014/TT-BTC | | | | | | 14/01/2014 | Thông tư số 07/2014/TT-BTC ngày 14/01/2014 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 29/2020/TT-BTC ngày 17/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công | | | 02/6/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 184/2014/TT-BTC | | | | | | 01/12/2014 | Thông tư số 184/2014/TT-BTC ngày 01/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 48/2023/TT-BTC ngày 12/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, khai thác Phần mềm Quản lý tài sản công | | | 27/8/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 74/2015/TT-BTC | | | | | | 15/5/2015 | Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/05/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất | | | 20/11/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 159/2015/TT-BTC | | | | | | 15/10/2015 | Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 08 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô | | | 06/6/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 76/2017/TT-BTC | | | | | | 26/7/2017 | Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/07/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch | | | 01/02/2023 và được áp dụng từ năm tài chính 2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 45/2018/TT-BTC | | | | | | 07/5/2018 | Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/04/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp | | | 10/06/2023 và áp dụng từ năm tài chính 2023 | | | |  | | |
| **THÔNG TƯ LIÊN TỊCH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 14/2008/TTLT-BTC-BTNMT | | | | | | 31/01/2008 | Thông tư liên tịch số 14/2008/TTLT-BTC-BTNMT ngày 31/01/2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư số 103/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực thuế, quản lý tài sản công và quản lý nợ công | | | 10/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 99/2014/TTLT-BTC-BGTVT | | | | | | 29/7/2014 | Thông tư liên tịch số 99/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 29/07/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải quy định Bảng giá tài sản hạ tầng đường bộ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 35/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là tài sản cố định | | | 30/7/2022 | | | |  | | |
| **LĨNH VỰC KHO BẠC NHÀ NƯỚC** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **NGHỊ ĐỊNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Quyết định | 134-HĐBT | | | | | | 20/4/1992 | Quyết định số 134-HĐBT ngày 20/04/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về việc phát hành tín phiếu Kho bạc Nhà nước xây dựng đường dây tải điện Bắc - Nam 500 KV | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 05/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành | | | 03/1/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 34/1999/NĐ-CP | | | | | | 12/5/1999 | Nghị định số 34/1999/NĐ-CP ngày 12/05/1999 của Chính phủ quy định việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc năm 1999 | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 05/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành | | | 03/1/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Nghị định | 28/2003/NĐ-CP | | | | | | 31/3/2003 | Nghị định số 28/2003/NĐ-CP ngày 31/03/2003 của Chính phủ quy định việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc năm 2003 - Công trái giáo dục | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 05/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 của Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ ban hành | | | 03/1/2020 | | | |  | | |
| **THÔNG TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư | 34-TC/KBNN | | | | | | 11/7/1996 | Thông tư số 34-TC/KBNN ngày 11/7/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc phát hành trái phiếu công trình thủy điện Yaly | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 38/2020/TT-BTC ngày 12/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và ngân sách nhà nước | | | 26/6/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 18/2006/TT-BTC | | | | | | 13/3/2006 | Thông tư số 18/2006/TT-BTC ngày 13/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kiểm soát chi đối với các cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước | | | 6/8/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 81/2006/TT-BTC | | | | | | 06/9/2006 | Thông tư số 81/2006/TT-BTC ngày 06/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kiểm soát chi đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước | | | 6/8/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 84/2007/TT-BTC | | | | | | 17/7/2007 | Thông tư số 84/2007/TT-BTC ngày 17/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi một số điểm của Thông tư số 18/2006/TT-BTC ngày 13/03/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kiểm soát chi đối với các cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước | | | 6/8/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 113/2008/TT-BTC | | | | | | 27/11/2008 | Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư số 89/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước | | | 24/11/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 172/2009/TT-BTC | | | | | | 26/8/2009 | Thông tư số 172/2009/TT-BTC ngày 26/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi một số điểm của Thông tư số 81/2006/TT-BTC ngày 06/09/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kiểm soát chi đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước | | | 6/8/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 122/2012/TT-BTC | | | | | | 27/7/2012 | Thông tư số 122/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý đối với các loại tài sản quý và giấy tờ có giá do Kho bạc Nhà nước nhận gửi và bảo quản | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 135/2018/TT- BTC ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý đối với tiền mặt, giấy tờ có giá, tài sản quý tạm gửi, tạm giữ do Kho bạc Nhà nước nhận bảo quản | | | 15/02/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 161/2012/TT-BTC | | | | | | 02/10/2012 | Thông tư  số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước | | | 6/8/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 54/2014/TT-BTC | | | | | | 24/4/2014 | Thông tư số 54/2014/TT-BTC ngày 24/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 87/2019/TT-BTC ngày 19/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kho bạc nhà nước | | | 01/02/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 61/2014/TT-BTC | | | | | | 12/5/2014 | Thông tư số 61/2014/TT-BTC ngày 12/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước trong điều kiện áp dụng Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 18/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 39/2016/TT-BTC | | | | | | 01/3/2016 | Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư  số 161/2012/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước | | | 6/8/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 40/2016/TT-BTC | | | | | | 01/3/2016 | Thông tư số 40/2016/TT-BTC ngày 01/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 113/2008/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước và một số biểu mẫu kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc nhà nước (TABMIS) | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư số 89/2021/TT-BTC ngày 11/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước | | | 24/11/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 315/2016/TT-BTC | | | | | | 30/11/2016 | Thông tư số 315/2016/TT-BTC ngày 30/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng tài khoản của Kho bạc Nhà nước mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 58/2019/TT-BTC ngày 30/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng tài khoản của Kho bạc Nhà nước mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại | | | 01/11/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 30/2017/TT-BTC | | | | | | 18/4/2017 | Thông tư số 30/2017/TT-BTC ngày 18/04/2017 của Bộ Tài chính quy định tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách nhà nước | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 23/2020/TT-BTC ngày 13/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước | | | 01/6/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 131/2017/TT-BTC | | | | | | 15/12/2017 | Thông tư số 131/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 315/2016/TT-BTC ngày 30/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng tài khoản của Kho bạc Nhà nước mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 58/2019/TT-BTC ngày 30/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng tài khoản của Kho bạc Nhà nước mở tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các ngân hàng thương mại | | | 01/11/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 133/2017/TT-BTC | | | | | | 15/12/2017 | Thông tư số 133/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư số 87/2021/TT-BTC ngày 08/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước | | | 01/12/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 06/2018/TT-BTC | | | | | | 24/01/2018 | Thông tư số 06/2018/TT-BTC ngày 24/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2017/TT-BTC ngày 18/4/2017 của Bộ Tài chính quy định tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho ngân sách nhà nước | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 23/2020/TT-BTC ngày 13/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước | | | 01/6/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 12/2019/TT-BTC | | | | | | 13/3/2019 | Thông tư số 12/2019/TT-BTC ngày 13/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi phí sử dụng ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư 23/2020/TT-BTC ngày 13/4/2020 của Bộ Tài chính về việc quy định tạm ứng, vay ngân quỹ Nhà nước của ngân sách Nhà nước | | | 01/6/2020 | | | |  | | |
| **QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Quyết định | 93/2000/QĐ-BTC | | | | | | 6/6/2000 | Quyết định số 93/2000/QĐ-BTC ngày 06/06/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Ban hành Quy chế điều hành Quỹ ngoại tệ tập trung của Nhà nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 38/2020/TT-BTC ngày 12/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực kho bạch nhà nước và ngân sách nhà nước | | | 26/6/2020 | | | |  | | |
| **LĨNH VỰC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **QUYẾT ĐỊNH, CHỈ THỊ CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Quyết định | 10/TTg | | | | | | 09/1/1993 | Quyết định số 10/TTg ngày 09/01/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu nợ thóc dự trữ quốc gia | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 03/1/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 137/1998/QĐ-TTg | | | | | | 31/7/1998 | Quyết định số 137/1998/QĐ-TTg ngày 31/07/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý lương thực dự trữ quốc gia | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 03/1/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 31/2010/QĐ-TTg | | | | | | 19/3/2010 | Quyết định số 31/2010/QĐ-TTg ngày 19/03/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành "Quy chế quản lý xăng dầu dự trữ nhà nước" | | | Được thay thế theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 16/2020/QĐ-TTg ngày 15/05/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý xăng dầu dự trữ quốc gia | | | 01/7/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 15/2011/QĐ-TTg | | | | | | 09/3/2011 | Quyết định số 15/2011/QĐ-TTg ngày 09/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc mua lương thực dự trữ nhà nước hàng năm | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 52 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 1/3/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Chỉ thị | 15-CT | | | | | | 11/01/1988 | Chỉ thị số 15-CT ngày 11/01/1988 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc tăng cường lực lượng dự trữ nhà nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 59 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 1/3/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Chỉ thị | 150-CT | | | | | | 12/5/1990 | Chỉ thị số 150-CT ngày 12/05/1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc tăng cường đội ngũ cán bộ, kiện toàn tổ chức và đổi mới cơ chế quản lý dự trữ quốc gia | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 60 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 1/3/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Chỉ thị | 357-CT | | | | | | 06/10/1990 | Chỉ thị số 357-CT ngày 06/10/1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc quản lý xăng dầu dự trữ quốc gia | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 61 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 1/3/2020 | | | |  | | |
| **THÔNG TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư | 205/2011/TT-BTC | | | | | | 30/12/2011 | Thông tư số 205/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự trữ nhà nước đối với gạo | | | Được thay thế theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 78/2019/TT-BTC ngày 12/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với gạo dự trữ quốc gia | | | 01/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 21/2013/TT-BTC | | | | | | 25/02/2013 | Thông tư số 21/2013/TT-BTC ngày 25/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức phí nhập, xuất và bảo quản hạt giống rau dự trữ quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 22/2013/TT-BTC | | | | | | 25/2/2013 | Thông tư số 22/2013/TT-BTC ngày 25/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức phí nhập, xuất và bảo quản thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 211/2013/TT-BTC | | | | | | 30/12/2013 | Thông tư số 211/2013/TT-BTC ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, viện trợ và quản lý kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ, viện trợ | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 51/2020/TT-BTC ngày 02/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và quản lý kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ | | | 20/7/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 53/2014/TT-BTC | | | | | | 24/4/2014 | Thông tư số 53/2014/TT-BTC ngày 24/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thóc dự trữ quốc gia | | | Được thay thế theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 87/2020/TT-BTC ngày 30/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thóc tẻ dự trữ quốc gia | | | 01/01/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 32/2016/TT-BTC | | | | | | 25/02/2016 | Thông tư số 32/2016/TT-BTC ngày 25/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc tiếp tục áp dụng định mức phí nhập, xuất và bảo quản hạt giống rau và thuốc bảo vệ thực vật dự trữ quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý tại Thông tư số 21/2013/TT-BTC, Thông tư số 22/2013/TT-BTC đến năm 2016 | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 82/2016/TT-BTC | | | | | | 16/6/2016 | Thông tư số 82/2016/TT-BTC ngày 16/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 211/2013/TT-BTC ngày 30/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, viện trợ và quản lý kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ, viện trợ | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 51/2020/TT-BTC ngày 02/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và quản lý kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ | | | 20/7/2020 | | | |  | | |
| **QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Quyết định | 35/2004/QĐ-BTC | | | | | | 14/4/2004 | Quyết định số 35/2004/QĐ-BTC ngày 14/04/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành các tiêu chuẩn về bảo quản hàng hóa dự trữ quốc gia | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 53/2007/QĐ-BTC | | | | | | 22/6/2007 | Quyết định số 53/2007/QĐ-BTC ngày 22/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành tiêu chuẩn ngành: Máy phát điện - quy phạm bảo quản dự trữ quốc gia | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 76/2007/QĐ-BTC | | | | | | 30/8/2007 | Quyết định số 76/2007/QĐ-BTC ngày 30/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Tiêu chuẩn ngành: Thóc đổ rời trong điều kiện áp suất thấp - Quy phạm bảo quản dự trữ quốc gia | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 17/2020/TT-BTC ngày 27/03/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong lĩnh vực dự trữ nhà nước, quản lý giá, quản lý tài chính đầu tư và quản lý tài chính hành chính sự nghiệp | | | 15/5/2020 | | | |  | | |
| **LĨNH VỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **NGHỊ ĐỊNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | Nghị định | | | 71/2013/NĐ-CP | | | | | 11/7/2013 | Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 41 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp | | | | 01/12/2015 | | |  | | |
|  |  | Nghị định | | | 09/2009/NĐ-CP | | | | | 05/02/2009 | Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 05/2/2009 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 41 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp | | | | 01/12/2015 | | |  | | |
| **QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Quyết định | 183/2007/QĐ-TTg | | | | | | 27/11/2007 | Quyết định số 183/2007/QĐ-TTg ngày 27/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20 tháng 06 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 39 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 143/2008/QĐ-TTg | | | | | | 29/10/2008 | Quyết định số 143/2008/QĐ-TTg ngày 29/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ tìm kiếm thăm dò dầu khí | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 47 Điều 1 Quyết định số 01/2020/QĐ-TTg ngày 03/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành | | | 03/01/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 21/2012/QĐ-TTg | | | | | | 10/05/2012 | Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10/05/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp | | | 01/04/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 22/2015/QĐ-TTg | | | | | | 22/06/2015 | Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần | | | Hết hiệu lực theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần | | | 15/02/2021 | | | |  | | |
| **THÔNG TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư | 92/2007/TT-BTC | | | | | | 31/07/2007 | Thông tư số 92/2007/TT-BTC ngày 31/07/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xác định tiền sử dụng đất, tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả có nguồn gốc ngân sách nhà nước | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 60/2020/TT-BTC ngày 19/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp | | | 03/08/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 228/2009/TT-BTC | | | | | | 07/12/2009 | Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản nợ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu hồi khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp | | | 10/10/2019 và áp dụng từ năm tài chính 2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 131/2010/TT-BTC | | | | | | 06/09/2010 | Thông tư số 131/2010/TT-BTC ngày 06/09/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 60/2020/TT-BTC ngày 19/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp | | | 03/08/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 34/2011/TT-BTC | | | | | | 14/03/2011 | Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản nợ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu hồi khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp | | | 10/10/2019 và áp dụng từ năm tài chính 2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 198/2011/TT-BTC | | | | | | 30/12/2011 | Thông tư số 198/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc thu, quản lý, sử dụng, nộp ngân sách nhà nước phí hoa tiêu hàng hải và cơ chế đặt hàng cung ứng dịch vụ hoa tiêu hàng hải | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 60/2020/TT-BTC ngày 19/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp | | | 03/08/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 179/2012/TT-BTC | | | | | | 24/10/2012 | Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 37/2021/TT-BTC ngày 27/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp | | | 11/07/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 184/2012/TT-BTC | | | | | | 25/10/2012 | Thông tư số 184/2012/TT-BTC ngày 25/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp | | | 31/10/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 206/2012/TT-BTC | | | | | | 26/11/2012 | Thông tư số 206/2012/TT-BTC ngày 26/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý và sử dụng quỹ tập trung của Tập đoàn công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 60/2020/TT-BTC ngày 19/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp | | | 03/08/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 31/2013/TT-BTC | | | | | | 18/03/2013 | Thông tư số 31/2013/TT-BTC ngày 18/03/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 80/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về định mức sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động xúc tiến đầu tư | | | 16/02/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 41/2013/TT-BTC | | | | | | 11/04/2013 | Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/09/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ thi hành chi tiết một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 60/2020/TT-BTC ngày 19/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp | | | 03/08/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 89/2013/TT-BTC | | | | | | 28/06/2013 | Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản nợ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu hồi khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp | | | 10/10/2019 và áp dụng từ năm tài chính 2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 136/2013/TT-BTC | | | | | | 03/10/2013 | Thông tư số 136/2013/TT-BTC ngày 03/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn số điện toán | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Thông tư số 36/2019/TT-BTC ngày 17/06/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động kinh doanh xổ số tự chọn điện toán | | | 01/08/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 21/2014/TT-BTC | | | | | | 14/02/2014 | Thông tư số 21/2014/TT-BTC ngày 14/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 60/2020/TT-BTC ngày 19/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp | | | 03/08/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 178/2014/TT-BTC | | | | | | 26/11/2014 | Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 60/2020/TT-BTC ngày 19/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp | | | 03/08/2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 57/2015/TT-BTC | | | | | | 24/04/2015 | Thông tư số 57/2015/TT-BTC ngày 24/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 55/2019/TT-BTC ngày 21/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước | | | 10/10/2019 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 135/2015/TT-BTC | | | | | | 31/08/2015 | Thông tư số 135/2015/TT-BTC ngày 31/08/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Việt Nam | | | Được thay thế theo quy định tại Điều 2 bởi Thông tư số 42/2021/TT-BTC ngày 04/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam | | | 20/07/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 219/2015/TT-BTC | | | | | | 31/12/2015 | Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp | | | Được thay thế theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ | | | 10/07/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 86/2016/TT-BTC | | | | | | 20/06/2016 | Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 08/2023/TT-BTC ngày 07/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 06 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường | | | 24/03/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 116/2016/TT-BTC | | | | | | 30/06/2016 | Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, phân bổ dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 118/2021/TT-BTC ngày 22/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 116/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, phân bổ dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí sản phẩm công ích giống nông nghiệp, thủy sản | | | 05/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 134/2016/TT-BTC | | | | | | 08/09/2016 | Thông tư số 134/2016/TT-BTC ngày 08/09/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn Mua bán nợ Việt Nam | | | Được thay thế theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 62/2021/TT-BTC ngày 29/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế tài chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam | | | 15/09/2021 và áp dụng từ năm tài chính 2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 340/2016/TT-BTC | | | | | | 29/12/2016 | Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ | | | 14/02/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 14/2017/TT-BTC | | | | | | 15/02/2017 | Thông tư số 14/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng phí bảo đảm hàng hải thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước và cơ chế tài chính trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 63/2019/TT-BTC ngày 09/09/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí bảo đảm hàng hải và cơ chế tài chính trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải | | | 01/01/2020 và áp dụng từ năm tài chính 2020 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 97/2017/TT-BTC | | | | | | 27/09/2017 | Thông tư số 97/2017/TT-BTC ngày 27/09/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 105/2021/TT-BTC ngày 25/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ | | | 15/01/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 40/2018/TT-BTC | | | | | | 04/05/2018 | Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần | | | 01/07/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 41/2018/TT-BTC | | | | | | 04/05/2018 | Thông tư số 41/2018/TT-BTC ngày 04/05/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 46/2021/TT-BTC ngày 23/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần | | | 07/08/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 59/2018/TT-BTC | | | | | | 16/07/2018 | Thông tư số 59/2018/TT-BTC ngày 16/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp | | | Được thay thế theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp | | | 10/07/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 69/2018/TT-BTC | | | | | | 08/08/2018 | Thông tư số 69/2018/TT-BTC ngày 08/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước không đủ điều kiện cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần | | | Được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Thông tư số 05/2022/TT-BTC ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn tái cơ cấu doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hóa và chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ | | | 01/04/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 34/2019/TT-BTC | | | | | | 11/06/2019 | Thông tư số 34/2019/TT-BTC ngày 11/06/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp Nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần | | | 01/07/2021 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 49/2019/TT-BTC | | | | | | 08/08/2019 | Thông tư số 49/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 8/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngấn sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ | | | 23/9/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 50/2019/TT-BTC | | | | | | 08/08/2019 | Thông tư số 50/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán, xử lý nợ | | | Được thay thế theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 Thông tư số 05/2022/TT-BTC ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn tái cơ cấu doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hóa và chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ | | | 01/04/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 54/2019/TT-BTC | | | | | | 21/08/2019 | Thông tư số 54/2019/TT-BTC ngày 21/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng dịch vụ tư vấn thuộc mạng lưới tư vấn viên | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 52/2023/TT-BTC ngày 08/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế sử dụng kinh phí ngấn sách nhà nước chi thường xuyên hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ | | | 23/9/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 55/2019/TT-BTC | | | | | | 21/08/2019 | Thông tư số 55/2019/TT-BTC ngày 21/08/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 07/2022/TT-BTC ngày 09/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ | | | 01/04/2022 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 97/2005/TT-BTC | | | | | | 09/11/2005 | Thông tư số 97/2005/TT-BTC ngày 09/11/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế hỗ trợ tài chính đối với Khu kinh tế quốc phòng | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 02/2018/TT-BTC ngày 02/1/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế hỗ trợ tài chính đối với khu kinh tế quốc phòng | | | 17/2/2018 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 126/2009/TT-BTC | | | | | | 18/6/2009 | Thông tư số 126/2009/TT-BTC ngày 18/6/2009 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư 97/2005/TT-BTC ngày 9/11/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế hỗ trợ tài chính đối với Khu kinh tế quốc phòng | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 02/2018/TT-BTC ngày 02/1/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế hỗ trợ tài chính đối với khu kinh tế quốc phòng. | | | 17/2/2018 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 220/2013/TT-BTC | | | | | | 31/12/2013 | Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ | | | Được thay thế theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đẩu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp | | | 15/02/2016 | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư | 138/2012/TT-BTC | | | | | | 20/8/2012 | Thông tư số 138/2012/TT-BTC ngày 20/8/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ | | | 15/02/2014 và áp dụng cho năm tài chính từ năm 2013 trở đi | | | |  | | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 90/2015/TTLT-BTC-BKHĐT | | | | | | 15/06/2015 | Thông tư liên tịch số 90/2015/TTLT-BTC-BKHĐT ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với hoạt động xúc tiến đầu tư | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 80/2022/TT-BTC ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về định mức sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động xúc tiến đầu tư | | | 16/02/2023 | | | |  | | |
|  |  | | Quyết định | 104/2008/QĐ-BTC | | | | | | 13/11/2008 | Quyết định số 104/2008/QĐ-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước, công ty mẹ ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BTC ngày 31/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 60/2020/TT-BTC ngày 19/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp | | | 03/08/2020 | | | |  | | |
| **LĨNH VỰC TÀI CHÍNH KHÁC** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Nghị định | 192/2013/NĐ-CP | | | | | 21/11/2013 | | Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/07/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước | | | 01/09/2019 | | | | |  | |
|  |  | | Nghị định | 58/2015/NĐ-CP | | | | | 16/06/2015 | | Nghị định số 58/2015/NĐ-CP ngày 16/6/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định việc [xử](https://luatvietnam.vn/tai-chinh/nghi-dinh-58-2015-nd-cp-chinh-phu-95434-d1.html) phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc Nhà nước | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/07/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước | | | 01/09/2019 | | | | |  | |
|  |  | | Nghị định | 87/2017/NĐ-CP | | | | | 26/07/2017 | | Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/04/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính | | | 15/05/2023 | | | | |  | |
| **QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Quyết định | 106/2009/QĐ-TTg | | | | | 20/08/2009 | | Quyết định số 106/2009/QĐ-TTg ngày 20/08/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định 36/2019/QĐ-TTg ngày 25/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dự trữ thuộc Bộ Tài chính | | | 15/02/2020 | | | | |  | |
| **THÔNG TƯ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | | Thông tư | 11/2004/TT-BTC | | | | | 25/02/2004 | | Thông tư số 11/2004/TT-BTC ngày 25/02/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại Khu kinh tế mở Chu Lai | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 08/2005/TT-BTC | | | | | 26/01/2005 | | Thông tư số 08/2005/TT-BTC ngày 26/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng đối với khu thương mại và công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 74/2005/TT-BTC | | | | | 07/09/2005 | | Thông tư số 74/2005/TT-BTC ngày 07/09/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng tại Khu kinh tế -Thương mại đặc biệt Lao Bảo | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 92/2005/TT-BTC | | | | | 20/10/2005 | | Thông tư số 92/2005/TT-BTC ngày 20/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 08/2005/TT-BTC ngày 26/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng đối với khu thương mại và công nghiệp thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 119/2005/TT-BTC | | | | | 22/12/2005 | | Thông tư số 119/2005/TT-BTC ngày 22/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại Khu kinh tế Dung Quất | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 26/2006/TT-BTC | | | | | 04/04/2006 | | Thông tư số 26/2006/TT-BTC ngày 04/04/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng đối với Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tỉnh Kon Tum | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 46/2006/TT-BTC | | | | | 26/05/2006 | | Thông tư số 46/2006/TT-BTC ngày 26/05/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng tại Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên Huế | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 78/2006/TT-BTC | | | | | 24/08/2006 | | Thông tư số 78/2006/TT-BTC ngày 24/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại các khu kinh tế cửa khẩu biên giới do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 105/2006/TT-BTC | | | | | 15/11/2006 | | Thông tư số 105/2006/TT-BTC ngày 15/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng tại Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 9 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 07/2007/TT-BTC | | | | | 30/01/2007 | | Thông tư số 07/2007/TT-BTC ngày 30/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng tại Khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 08/2007/TT-BTC | | | | | 30/01/2007 | | Thông tư số 08/2007/TT-BTC ngày 30/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 11 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 76/2007/TT-BTC | | | | | 05/07/2007 | | Thông tư số 76/2007/TT-BTC ngày 05/07/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng tại Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 162/2007/TT-BTC | | | | | 31/12/2007 | | Thông tư số 162/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng đối với Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh An Giang | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 18/2008/TT-BTC | | | | | 18/02/2008 | | Thông tư số 18/2008/TT-BTC ngày 18/02/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng tại Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 14 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 33/2008/TT-BTC | | | | | 23/04/2008 | | Thông tư số 33/2008/TT-BTC ngày 23/04/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 119/2005/TT-BTC ngày 22/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính áp dụng tại Khu kinh tế Dung Quất | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 15 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 45/2008/TT-BTC | | | | | 05/06/2008 | | Thông tư số 45/2008/TT-BTC ngày 05/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng đối với khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo tỉnh Hà Tĩnh | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 16 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 07/2010/TT-BTC | | | | | 14/01/2010 | | Thông tư số 07/2010/TT-BTC ngày 14/01/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2008/TT-BTC ngày 05/06/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính và thủ tục hải quan áp dụng đối với khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo tỉnh Hà Tĩnh | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 86/2010/TT-BTC | | | | | 10/06/2010 | | Thông tư số 86/2010/TT-BTC ngày 10/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phí duy tu, tái tạo cơ sở hạ tầng khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 18 Điều 4 Thông tư số 100/2020/TT-BTC ngày 19/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và liên tịch ban hành trong các lĩnh vực: hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; phí, lệ phí và hướng dẫn về chế độ tài chính, thủ tục hải quan áp dụng tại cá khu kinh tế, khu thương mại và công nghiệp thuộc khu kinh tế cửa khẩu | | | 02/01/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 15/2013/TT-BTC | | | | | 05/02/2013 | | Thông tư số 15/2013/TT-BTC ngày 05/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Hệ thống chỉ tiêu và Mẫu biểu báo cáo thống kê sử dụng tại các Sở Tài chính | | | Hết hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư số 02/2019/TT-BTC ngày 14/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo thống kê ngành tài chính | | | 01/03/2019 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 138/2013/TT-BTC | | | | | 09/10/2013 | | Thông tư số 138/2013/TT-BTC ngày 09/10/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Luật Giám định tư pháp và Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Thông tư số 40/2022/TT-BTC ngày 29/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tài chính | | | 15/08/2022 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 153/2013/TT-BTC | | | | | 31/10/2013 | | Thông tư số 153/2013/TT-BTC ngày 31/10/2013 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục thu, nộp tiền phạt, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động của các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 18/2023/TT-BTC ngày 21/03/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục thu, nộp tiền phạt, bù trừ số tiền nộp phạt chênh lệch, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động của các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính | | | 05/05/2023 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 105/2014/TT-BTC | | | | | 07/08/2014 | | Thông tư số 105/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 07/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 153/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục thu, nộp tiền phạt, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động của các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư số 18/2023/TT-BTC ngày 21/03/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục thu, nộp tiền phạt, bù trừ số tiền nộp phạt chênh lệch, biên lai thu tiền phạt và kinh phí từ ngân sách nhà nước bảo đảm hoạt động của các lực lượng xử phạt vi phạm hành chính | | | 05/05/2023 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 149/2014/TT-BTC | | | | | 10/10/2014 | | Thông tư số 149/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính để sung vào ngân sách nhà nước | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 65/2022/TT-BTC ngày 02/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản 2 Điều 91 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | | | 01/01/2023 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 161/2014/TT-BTC | | | | | 31/10/2014 | | Thông tư số 161/2014/TT-BTC ngày 31/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định công tác bảo vệ bí mật nhà nước của ngành Tài chính | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 11/2021/TT-BTC ngày 05/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư số 161/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định công tác bảo vệ bí mật nhà nước của ngành Tài chính | | | 23/03/2021 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư | 77/2019/TT-BTC | | | | | 11/11/2019 | | Thông tư số 77/2019/TT-BTC ngày 11/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ | | | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ | | | 18/07/2022 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 22/2012/TTLT-BTC-BCA | | | | | 16/02/2012 | | Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BTC-BCA ngày 16/02/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Công an hướng dẫn chế độ quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chương trình hành động phòng, chống tội phạm mua, bán người | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 41/2019/TT-BTC ngày 11/07/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư liên tịch số 22/2012/TTLT-BTC-BCA ngày 16/02/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Công an hướng dẫn chế độ quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chương trình hành động phòng, chống tội phạm mua, bán người | | | 27/08/2019 | | | | |  | |
|  |  | | Thông tư liên tịch | 220/2015/TTLT-BTC-BNV | | | | | 31/12/2015 | | Thông tư liên tịch số 220/2015/TTLT-BTC-BNV ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh | | | Được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BTC ngày 28/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan tài chính địa phương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện | | | 15/03/2022 | | | | |  | |
|  |  | | Quyết định | 42/2005/QĐ-BTC | | | | | 07/07/2005 | | Quyết định số 42/2005/QĐ-BTC ngày 07/07/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngành tài chính Việt Nam” | | | Được thay thế theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 17/2019/TT-BTC ngày 21/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp tài chính Việt Nam” | | | Có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày 21/03/2019 | | | | |  | |
|  |  | | Quyết định | 83/2005/QĐ-BTC | | | | | 28/11/2005 | | Quyết định số 83/2005/QĐ-BTC ngày 28/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Tiêu chuẩn Giám đốc Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | | | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 34/2022/TT-BTC ngày 10/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bãi bỏ Quyết định số 83/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Tiêu chuẩn Giám đốc Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | | | 01/08/2022 | | | | |  | |